

Phụ lục-6

*Phân tích ảnh vệ tinh để trình  
diễn sự thích hợp của đất đai*



## Phụ lục 6 Phân tích ảnh vệ tinh để trình diễn sự thích hợp của đất đai

Để đánh giá sự thích hợp của dự án AR-CDM, cần xác định diễn tích “rừng” và diễn tích “đất không có rừng” ở thời điểm cuối năm 1989 tại các hiện trường của dự án. Các vùng được xác định là “rừng” ở Việt Nam cần đáp ứng các điều kiện sau đây:

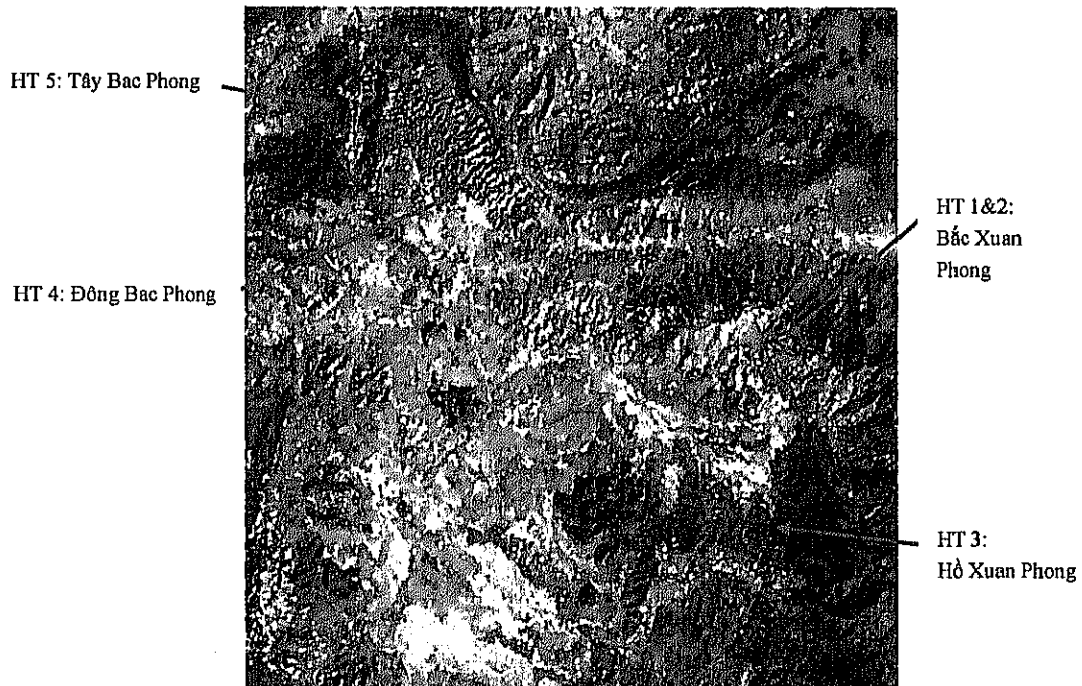
- Chiều cao của cây tối thiểu là 3 m
- Tàn che của cây rừng trên 30%
- Diện tích tối thiểu trên 0,5 ha

Theo quyết định của UNFCCC, trong trường hợp không có bản đồ sử dụng đất gần năm 1989, sẽ sử dụng ảnh vệ tinh để chứng minh tính thích hợp của đất đai. Trong dự án này, các bản đồ phân loại “rừng” và “đất không có rừng” đã được xây dựng dựa trên ảnh vệ tinh gần năm 1989.

Nội dung báo cáo như sau:

1. Đánh giá tổng quan “rừng” và “đất không có rừng”
2. Phương pháp thu thập chi tiết và phân loại số liệu
3. Kết quả phân loại
4. Đánh giá diễn tích “rừng” tại thời điểm cuối 1989
5. Tóm tắt và kết luận

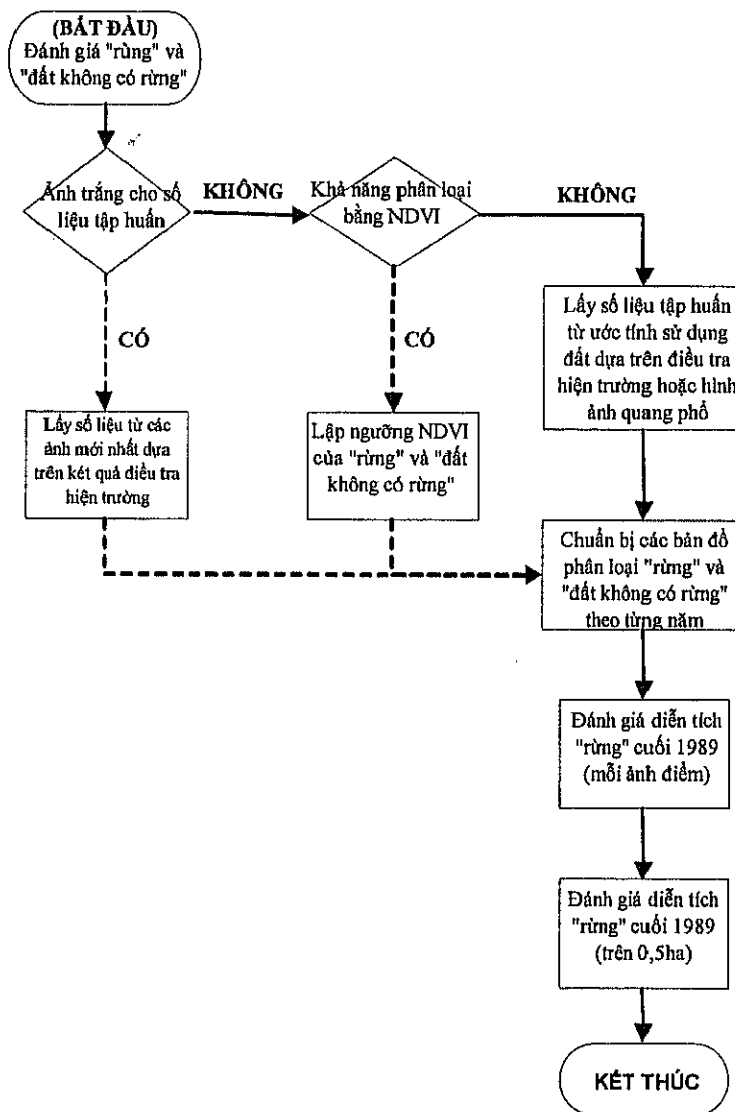
Vị trí của vùng nghiên cứu được xác định như trong các hình ảnh sau đây:



Hình A6.1 Các vùng nghiên cứu (Landsat/TM5, 30/11-1989)

## 1 Đánh giá tổng quan “rừng” và “đất không có rừng”

Trong nghiên cứu này, ảnh viễn thám Landsat/TM5, chụp năm 2007, 1993, 1989 và 1987 đã được sử dụng để đánh giá diện tích “rừng” cuối năm 1989 nhằm tăng tới mức tối đa độ chính xác khi phân tích. Bản đồ phân loại đất trong vùng nghiên cứu hàng năm đã được xây dựng theo sự phân loại giám sát (MLE: Ước tính mức độ chính xác tối đa) sử dụng kết quả phân tích sơ bộ ảnh máy bay và khảo sát hiện trường. Sơ đồ phương pháp nghiên cứu được trình bày tại Hình A6.2.



Hình A6.2 Trình tự nghiên cứu

- Ảnh vệ tinh chụp năm 2007 không cung cấp số liệu tốt cho tập huấn phân loại số liệu do hầu hết diện tích đất đai bị che phủ bởi các đám mây mỏng ảnh hưởng tới quang phổ của ảnh.
- Kết quả phân tích sơ bộ ảnh máy bay và khảo sát hiện trường cho thấy rằng rất khó có thể phân biệt rõ ràng rừng (ví dụ như rừng tái sinh) và cây bụi theo sự phân loại dựa theo Chỉ số định mức về sự khác biệt của thảm thực vật (NDVI).

Như vậy, bản đồ "rừng" và "đất không có rừng" hàng năm cần được xây dựng với việc sử dụng số liệu tập huấn hàng năm. Tính xác thực của số liệu hàng năm được khẳng định bằng cách so sánh với các hình ảnh quang phổ điển hình...

## 2 Chi tiết số liệu và phương pháp phân loại

Ảnh vệ tinh sử dụng để phân tích như trong Biểu A6.1.

**Biểu A6.1 Ảnh vệ tinh được sử dụng để phân tích**

Loại ảnh	Độ phân giải	Giai đoạn quan sát
Landsat/TM5	25 m	1/1/2007
		27/12/1993
		30/11/1989
		9/1/1987

Để xây dựng bản đồ rừng và đất không có rừng hàng năm, đã sử dụng phương pháp đánh giá giám sát (MLE: Ước tính mức độ chính xác tối đa). Phân loại giám sát là phương pháp chung được sử dụng trong phân loại sử dụng đất theo ảnh vệ tinh.

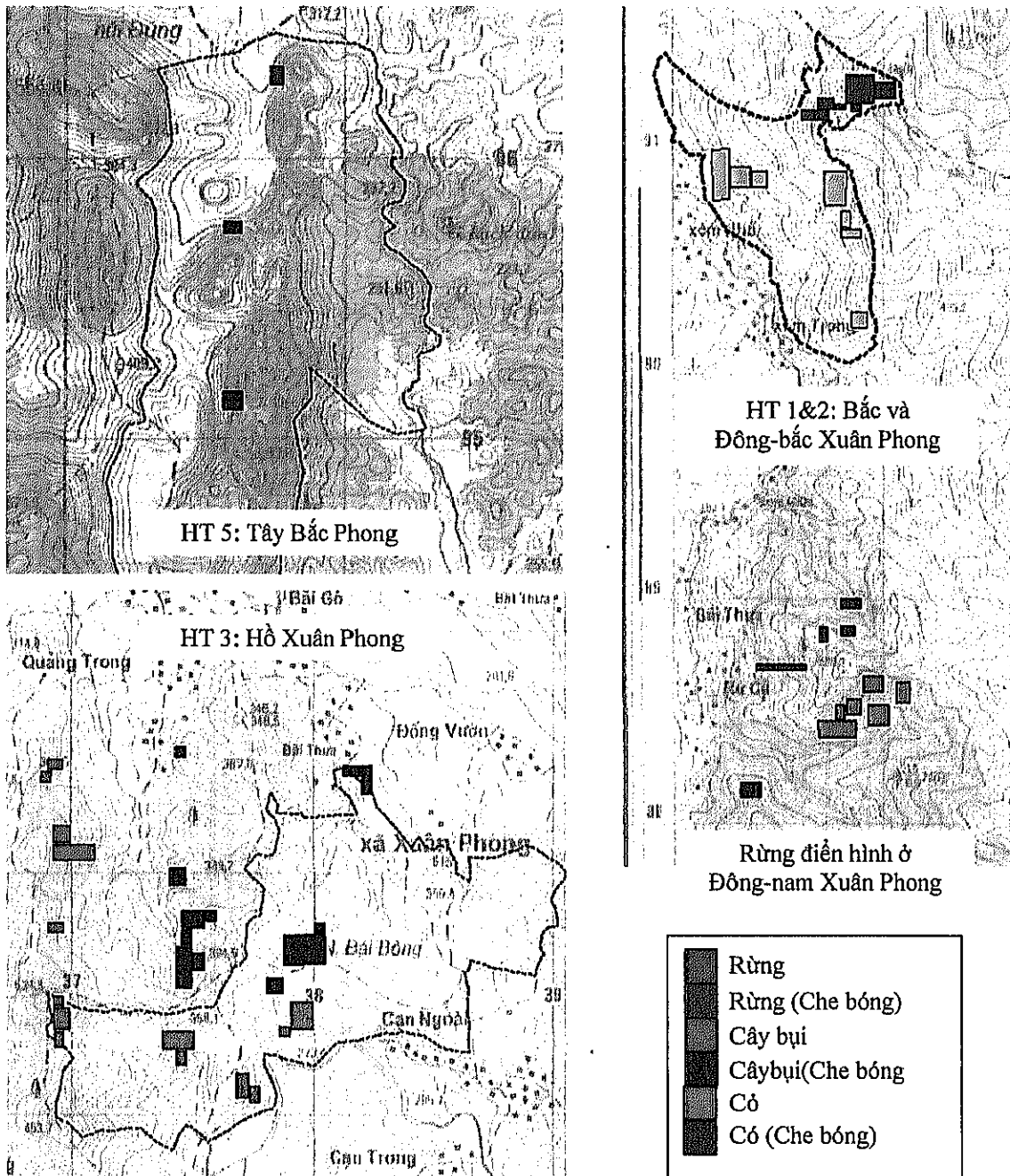
Đất đai được phân loại thành:

- Rừng tái sinh
- Cây bụi
- Trảng cỏ
- Đất trống (bao gồm cả đất canh tác và đất bỏ hóa)
- Ruộng lúa (đất ướt và đất trên cạn)
- Vùng ngập nước

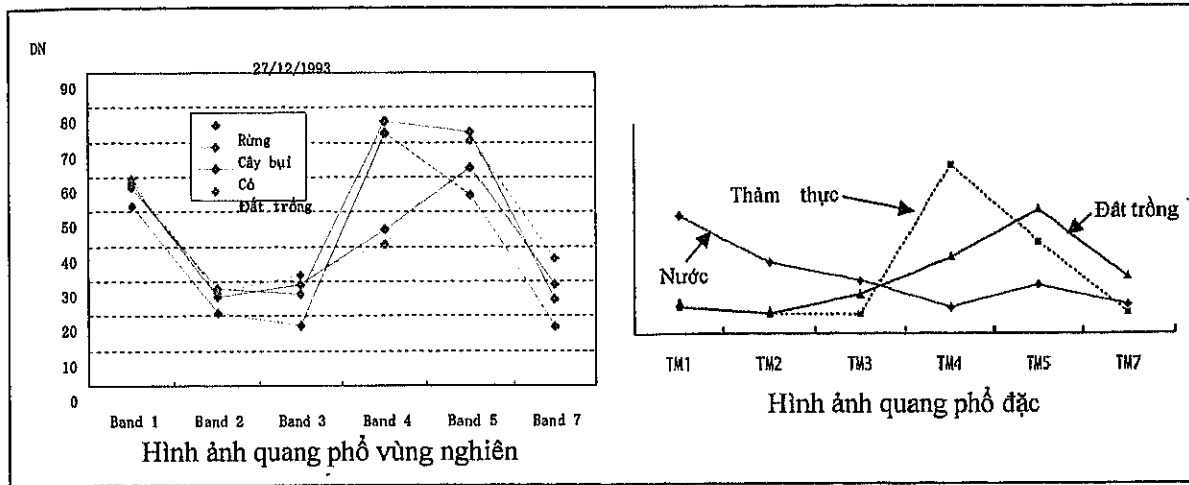
"Vùng rừng trồng" không được đưa vào các phân loại như trên do hình ảnh quang phổ ở mỗi giai đoạn phát triển của rừng trồng rất khác nhau và rất khó xác định quang phổ đặc trưng của "Vùng rừng trồng".

Ô mẫu để thu thập số liệu tập huấn đã được lựa chọn với sự lưu ý tới bản đồ hiện có, hình ảnh quang phổ của ảnh vệ tinh và kết quả khảo sát hiện trường trong tháng 1 và tháng 9 năm 2007. Ô mẫu lấy số liệu tập huấn về rừng, đất trảng cỏ và đất trống được trình bày tại Hình A6.3. Hình ảnh quang phổ của mỗi phân loại thực vật trong vùng nghiên cứu và hình ảnh quang phổ điển hình được trình bày tại Hình A6.4. Ảnh của mỗi kiểu thảm thực vật tại Hình A6.5. Ngoài ra, hình ảnh quang phổ điển hình<sup>1</sup> và các đặc trưng của nó được miêu tả tại Biểu A6.2.

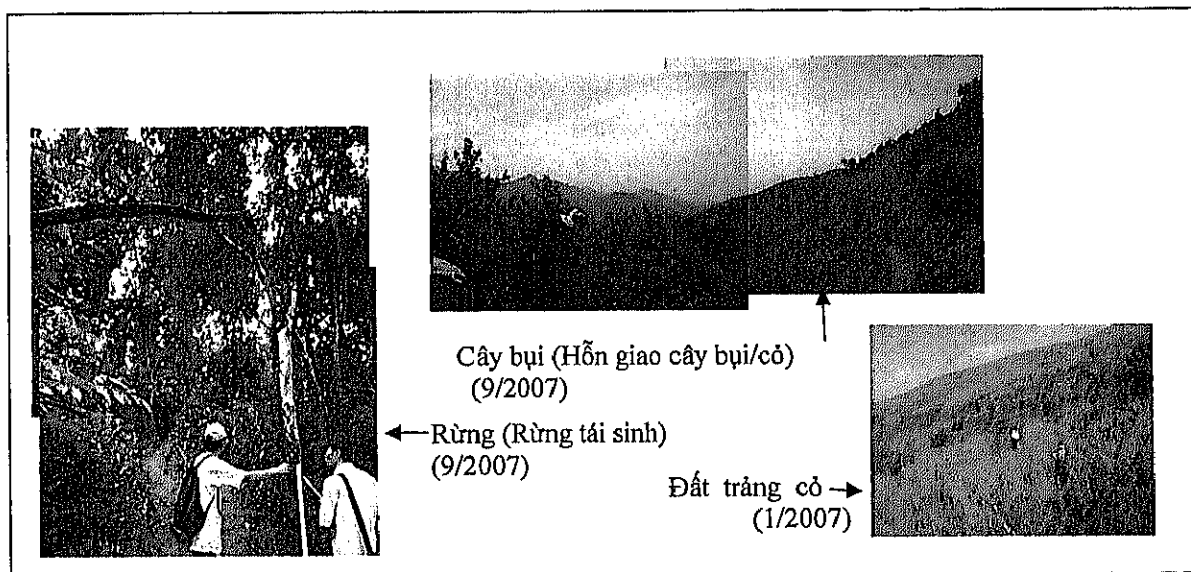
<sup>1</sup> Masato KATOH (2004). *Viễn thám rừng*. Ủy ban điều tra lâm nghiệp Nhật Bản.



**Hình A6.3** Bản đồ vị trí các ô mẫu trong vùng nghiên cứu



Hình A6.4 Các hình ảnh quang phổ của mỗi phân loại .



Hình A6.5 Ảnh của từng phân loại thảm thực vật vùng nghiên cứu

<sup>2</sup> Masato KATO (2004). *Viễn thám rừng*. Ủy ban điều tra lâm nghiệp Nhật Bản.

**Biểu A6.2 Tóm tắt hình ảnh quang phổ của mỗi phân loại**

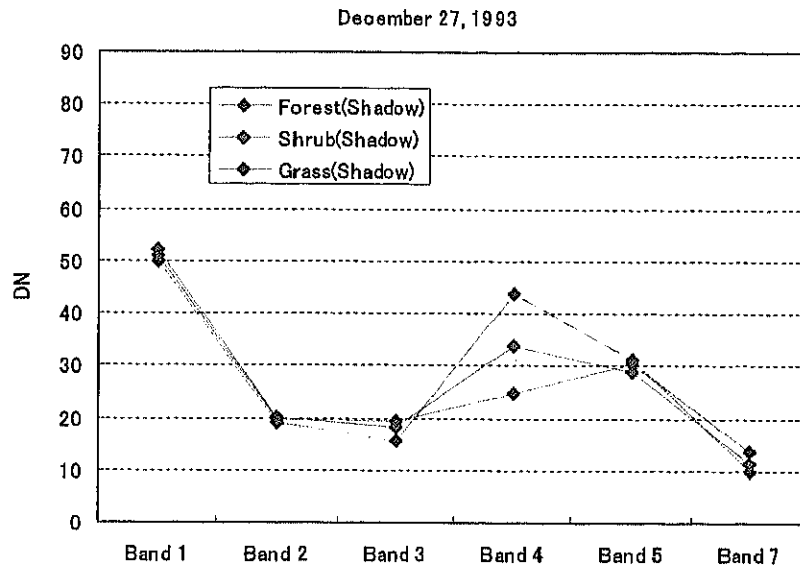
Phân loại thảm thực vật	Đặc điểm quang phổ		Tương quan
	Landsat/TM5 (12/1993)	Hình ảnh quang phổ chung	
Rừng (Thảm thực vật)	Giải 4 > Giải1, Giải2, Giải3, Giải5, Giải7	TM4 > TM1, TM2, TM3, TM5, TM7	Cao
Đất trống	Giải3 < Giải4 < Giải5	TM3 < TM4 < TM5	Cao
Cỏ	Giải3 < Giải4 < Giải5 (Giống đất trống)	-	-
Cây bụi	Giải4 DN tương đương rừng. Giải3 và Giải5 DN cao hơn rừng.	-	-

\*DN: Số ngón

- Hình ảnh quang phổ trong vùng nghiên cứu và các hình ảnh quang phổ đặc trưng của rừng và đất trống gần như tương đương. Vì vậy, có thể sử dụng các hình ảnh quang phổ này như là số liệu tập huấn.
- Đối với đất trống cỏ, hình ảnh quang phổ giống như của đất trống do cỏ sinh trưởng ít trong mùa khô.
- Đối với cây bụi, Giải4 cho thấy sự sinh trưởng cao như là của rừng. Mặt khác, Giải3 & 5 cũng cho thấy mức độ sinh trưởng cao khác với rừng.
- Nhìn chung, Giải3 là giải quang phổ tương đương với ánh sáng màu đỏ nhìn bằng mắt người. Rừng và vùng đất ngập nước cho thấy DN thấp trong ảnh vệ tinh. Mặt khác, đất thổ cư và đất trống cho thấy DN cao. Vì vậy, có thể đặc trưng hình ảnh quang phổ của cây bụi (hỗn giao cây bụi và cỏ) giống như quang phổ của vùng dân cư hoặc đất trống như trình bày trong Hình A6.3.
- Nhìn chung, Giải5 được sử dụng để ước tính độ ẩm của đất và thực vật, sự khác biệt giữa mây và tuyết. Theo hình ảnh giải quang phổ, đất trống cho thấy DN cao của Giải5, còn rừng thì có DN thấp. Từ góc độ DN của Giải3 và Giải5, cây bụi giống với đất trống hơn là với rừng. Như vậy, có thể cho rằng số liệu tập huấn về cây bụi là phù hợp đối với phân loại này.

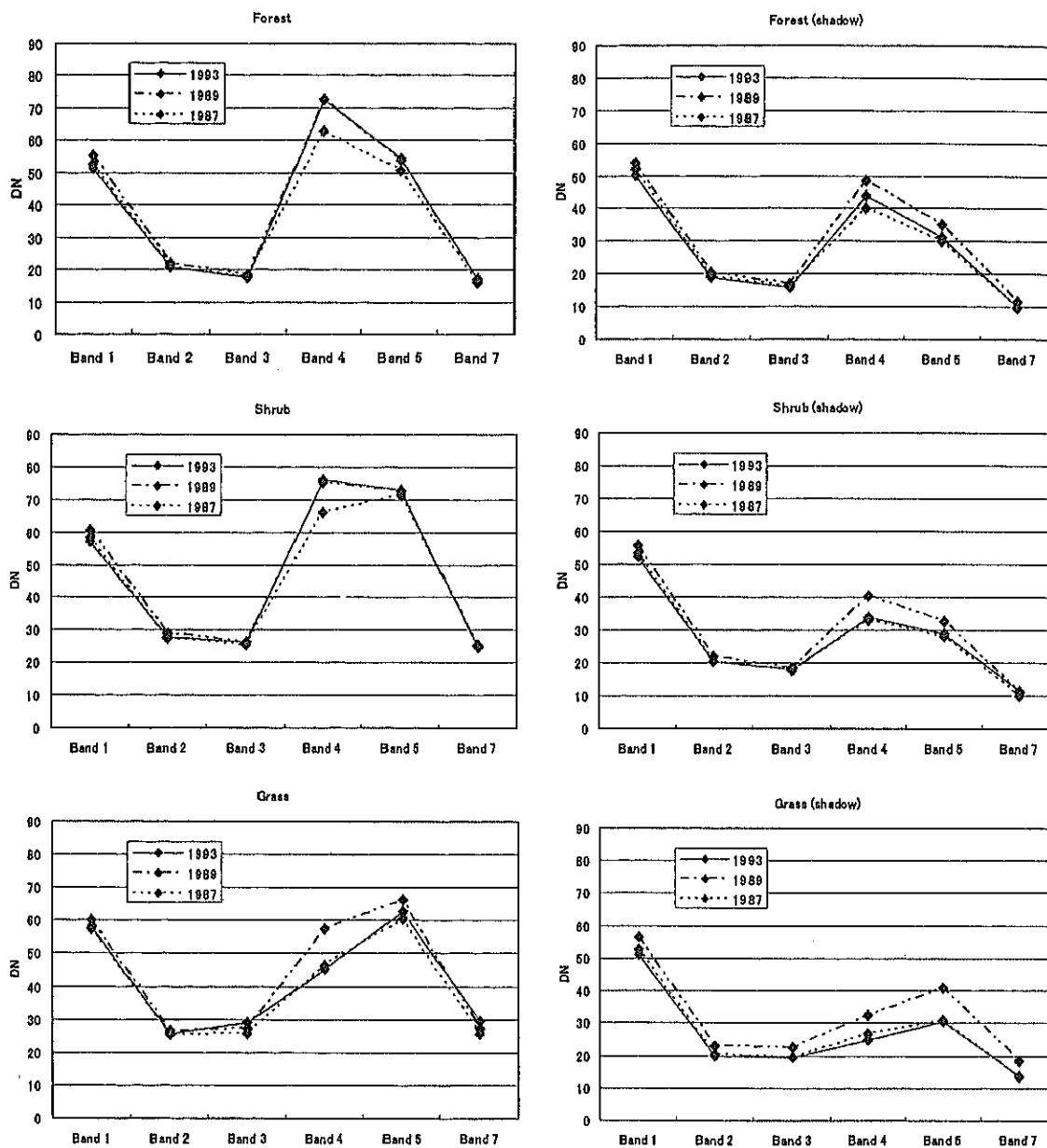
Số liệu tập huấn tại vùng che bóng trên sườn dốc đã được chuẩn bị để phân loại rừng, cây bụi và đất trống cỏ do các hình ảnh quang phổ tại vùng có ánh nắng mặt trời khác với quang phổ của vùng bị che bóng. Hình ảnh quang phổ của vùng bị che bóng như tại Hình A6.6. Các DN của rừng, cây bụi và cỏ tại vùng che bóng thấp hơn vùng có ánh nắng mặt trời của Giải4 và Giải5.





Hình A6.6 Hình ảnh quang phổ tại vùng che bóng (Rừng, Cây bụi, Cỏ)

Các hình ảnh quang phổ tại vùng có ánh nắng mặt trời và bị che bóng các năm 1993, 1989 và 1987 như trong Hình A6.7.



Hình A6.7 Hình ảnh quang phổ tại vùng có ánh nắng mặt trời và vùng bị che bóng (Rừng, Cây bụi, Cỏ)

### 3 Kết quả phân loại

#### 3.1 Kết quả phân loại vùng tập huấn

Ảnh vệ tinh tại 4 thời điểm (2007, 1993, 1989 và 1987) đã được phân loại với việc sử dụng số liệu tập huấn. Trước hết, nhằm kiểm tra độ chính xác của số liệu tập huấn, độ chính xác của từng phân loại đã được tính toán như ở dưới đây. Độ chính xác của từng phân loại đã được tính toán theo tỷ lệ số lượng ảnh điểm được phân loại chính xác theo từng tập hợp số lượng ảnh điểm trong vùng tập huấn theo công thức sau đây:

$$P_i = \frac{M_i}{N_i} \times 100$$

$i$  : Phân loại

$P_i$  : Độ chính xác cục bộ

$M_i$  : Số lượng các ảnh điểm được phân chính xác cho từng phân loại

$N_i$  : Tổng số ảnh điểm của phân loại

**Biểu A6.3 Độ chính xác cục bộ**

Phân loại	Số lượng ảnh điểm vùng tập huấn	Độ chính xác cục bộ ( $P_i$ )			
		2007	1993	1989	1987
Rừng	122	98%	99%	97%	99%
Rừng (Bóng)	99	99%	98%	97%	97%
Cây bụi	81	100%	100%	99%	95%
Cây bụi (Bóng)	89	91%	88%	96%	89%
Cỏ	99	91%	100%	91%	93%
Cỏ (Bóng)	57	95%	96%	91%	89%
Đất trống	28	100%	100%	100%	100%
Lúa (Cạn)	129	100%	100%	98%	100%
Lúa (Nước)	92	100%	100%	96%	100%
Vùng ngập nước	56	100%	100%	98%	100%

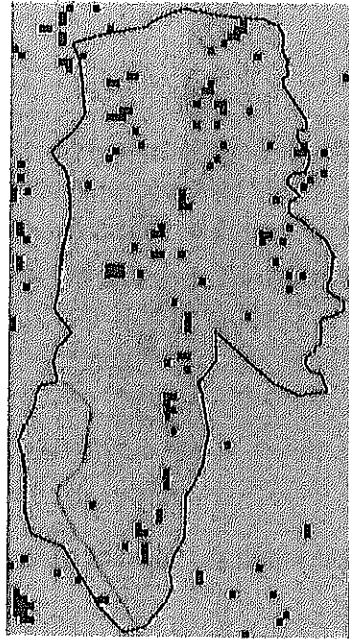
#### 3.2 Kết quả phân loại tại các hiện trường dự án

Các bản đồ phân loại "rừng" và "đất không có rừng" tại các hiện trường dự án như tại Hình A6.8-11. Sự tương quan "rừng" và "đất không có rừng" và các phân loại như trong Biểu A6.4.

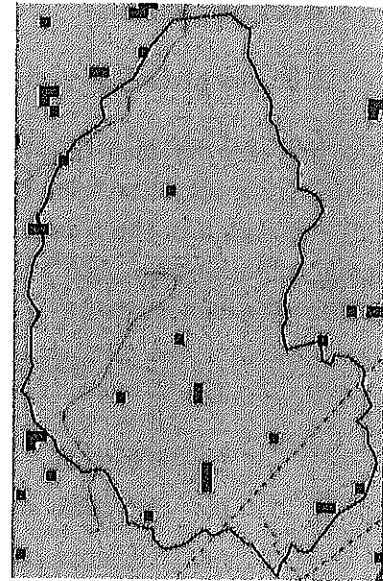
**Biểu A6.4 Sự tương quan của phân loại**

	Phân loại	Màu tại Hình 8-11
Rừng	Rừng, Rừng (Bóng)	Xanh
Đất không rừng	Cây bụi, Cây bụi (Bóng), Cỏ, Cỏ (Bóng),	Da cam

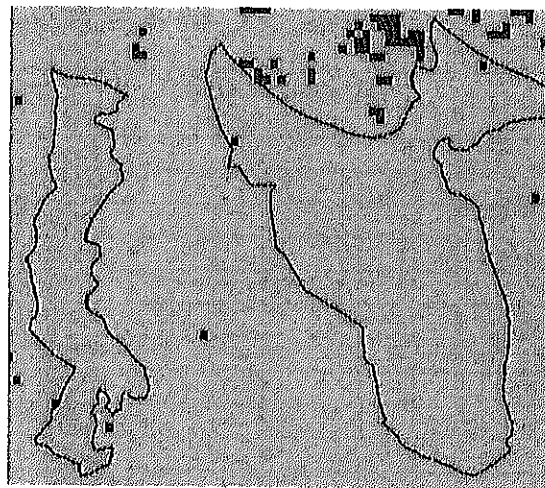
HT 5:  
Vùng Tây  
Bắc Phong  
(2007)



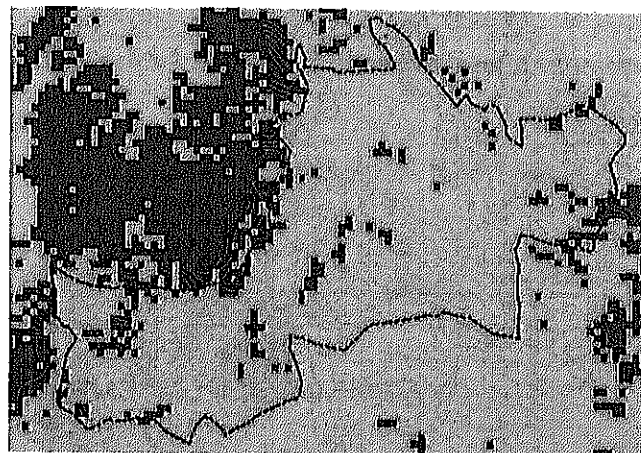
HT 4:  
Vùng Đông  
Bắc Phong  
(2007)



HT 1&2:  
Bắc và Đông-bắc  
Xuân Phong  
(2007)

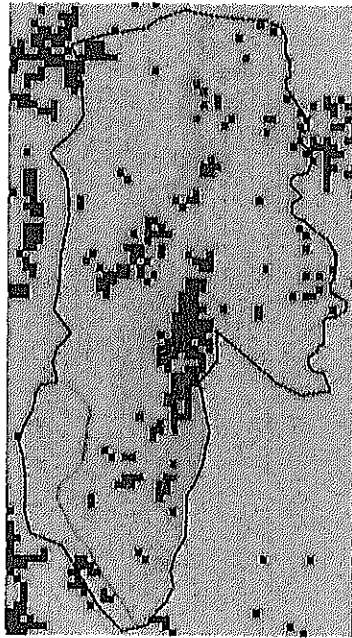


HT 3:  
Vùng hồ Xuân  
Phong (2007)

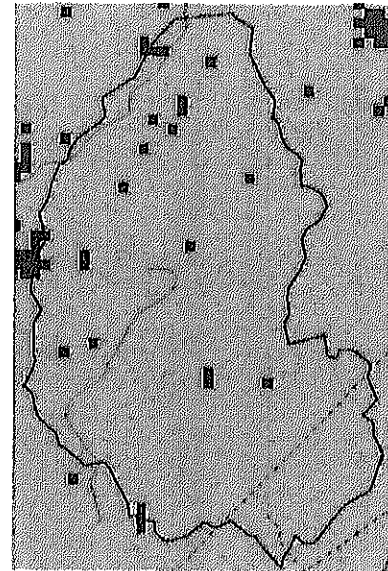


**Hình A6.8 Bản đồ phân loại rừng và đất không có rừng (2007)**

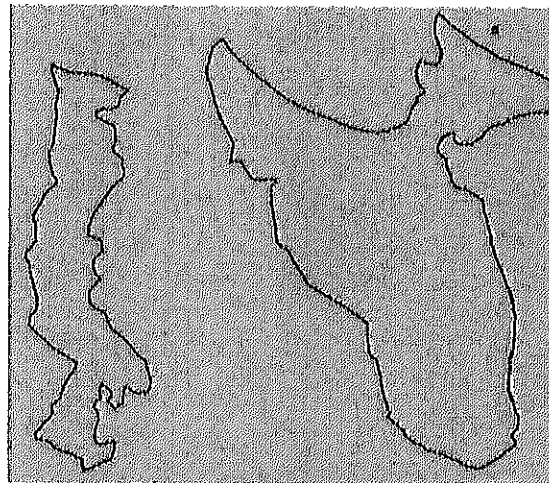
HT 5:  
Vùng Tây  
Bắc Phong  
(1993)



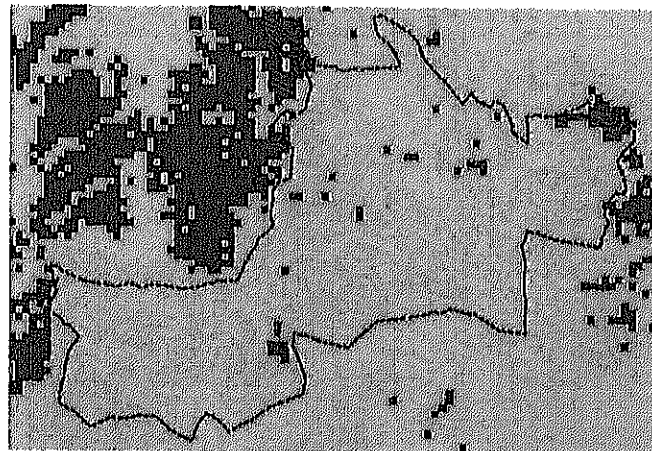
HT 4:  
Vùng  
Đông Bắc  
Phong  
(1993)



HT 1&2:  
Bắc Xuân Phong và  
vùng Đông-bắc  
(1993)



HT 3:  
Vùng hồ Xuân  
Phong  
(1993)

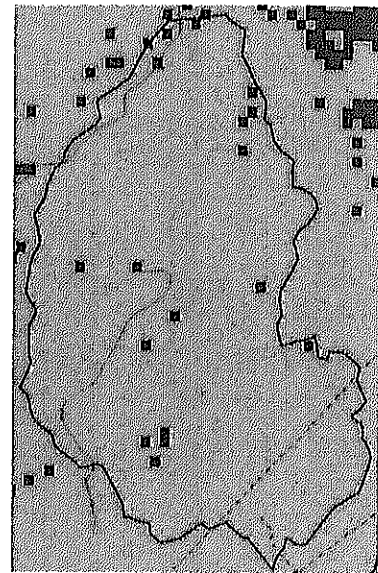


**Hình A6.9 Các bản đồ phân loại rừng và đất không có rừng (1993)**

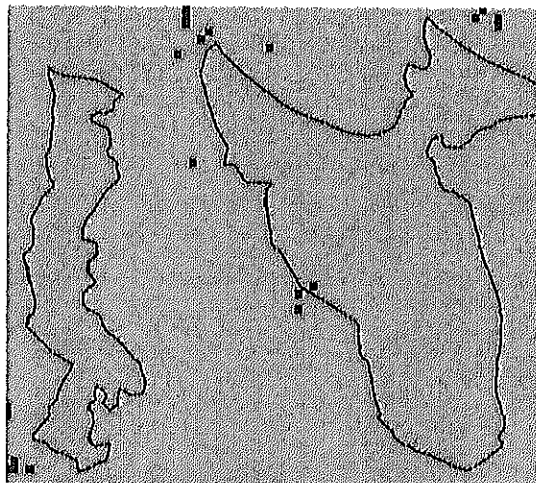
HT 5:  
Vùng Tây  
Bắc Phong  
(1989)



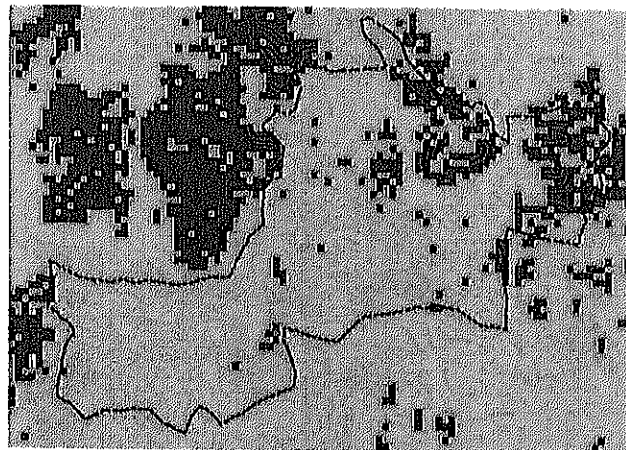
HT 4:  
Vùng Đông  
Bắc Phong  
(1989)



HT 1&2:  
Bắc Xuân Phong và  
vùng Đông Bắc  
(1989)

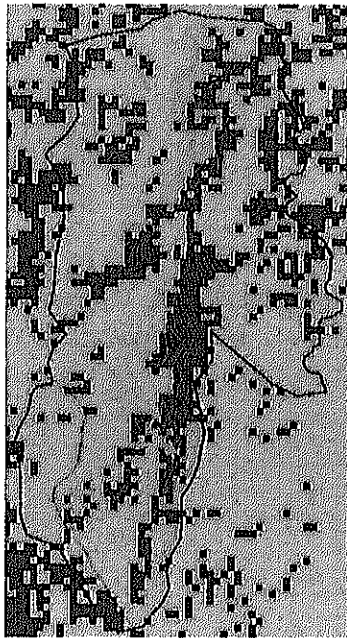


HT 3:  
Xuân Phong  
Vùng hồ  
(1989)

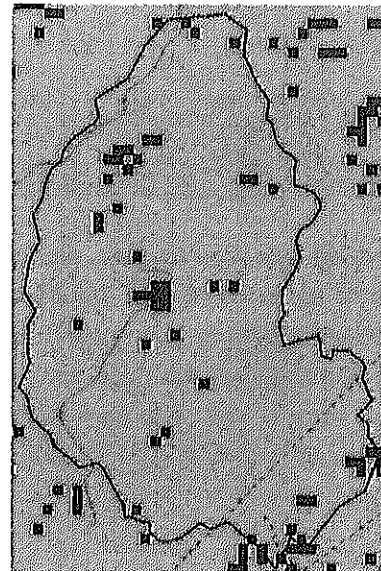


**Hình A6.10 Bản đồ phân loại rừng và đất không có rừng (1989)**

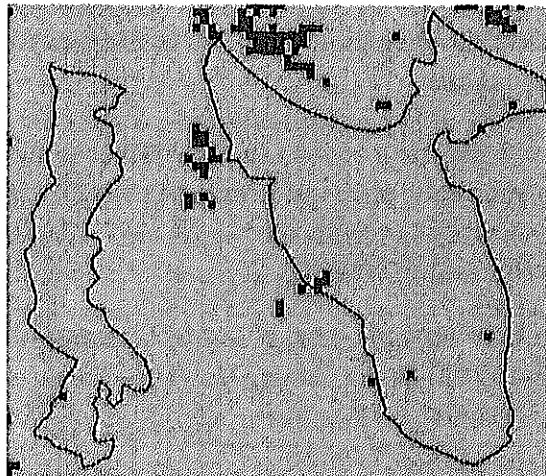
HT 5:  
Vùng Tây  
Bắc Phong  
(1987)



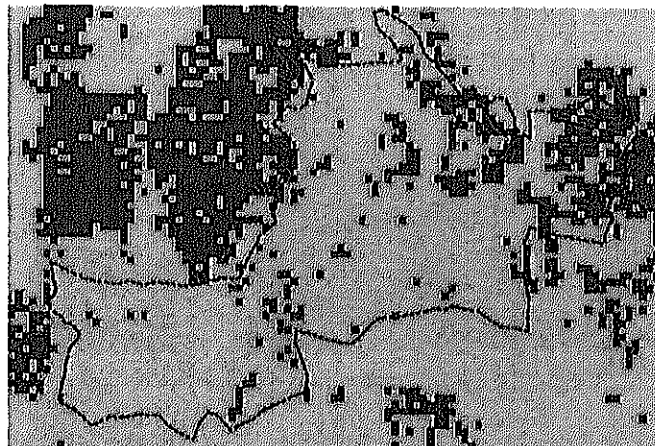
HT 4:  
Vùng Đông  
Bắc Phong  
(1987)



HT 1&2:  
Bắc Xuân Phong và  
vùng Đông-bắc  
(1987)



HT 3:  
Vùng hồ Xuân  
Phong  
(1987)



**Hình A6.11 Bản đồ rừng và đất không có rừng (1987)**



### 3.3 So sánh kết quả phân loại và tình hình độ che phủ thực tế

#### Hiện trường 1&2: Bắc Xuân Phong và vùng Đông-bắc

Một số ít diện tích được phân loại là "rừng".

#### Hiện trường 3: Vùng hồ Xuân Phong

Theo kết quả điều tra thực địa, các diện tích được phân loại là "rừng" trên ảnh vệ tinh là rừng tái sinh tự nhiên và cây bụi dày đặc. Rừng tái sinh tự nhiên phân bố tại Tây-bắc của hiện trường này. Theo ảnh máy bay chụp năm 2004 và 1971, cây tồn tại với mật độ cao tại các vùng này. Ngoài ra, khó có thể khẳng định các vùng thực sự có cây bụi trên ảnh vệ tinh do mây mù dày đặc trên ảnh. Theo kết quả phân loại năm 2007, các diện tích gần vùng ranh giới Đông-bắc của hiện trường này được phân loại như là "rừng". Kết quả điều tra hiện trường tháng 9/2007 cho thấy rằng ở đây có rừng tái sinh và cây bụi dưới 3 m.

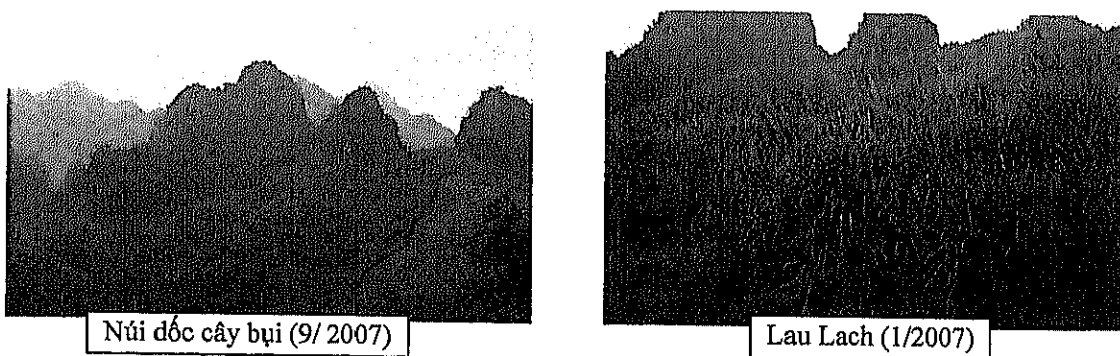
#### Hiện trường 4: Vùng Đông Bắc Phong

Theo kết quả điều tra thực địa tại các vùng được phân loại là "rừng", có thể đã có Lau Lach (một dạng cỏ lúa) trong quá khứ. Qua phỏng vấn người dân địa phương, có thể thấy rằng tình hình che phủ đất không thay đổi đáng kể và đã có Lau Lach tại các hiện trường được phân loại là "rừng" trên bản đồ phân loại trong quá khứ.

Khảo sát hiện trường cho thấy rằng có thể Lau Lach đã mọc trong quá khứ. Cần lưu ý rằng Lau Lach có thể phân bố tại các vùng được phân loại là rừng trên bản đồ 1987, 1989 và 1993.

#### Hiện trường 5: Vùng Tây-bắc Bắc Phong

Theo kết quả điều tra thực địa vùng được phân loại là "rừng", đã có núi đá vôi có cây bụi và Lau Lach. Theo phỏng vấn với dân cư địa phương, tình hình che phủ này không thay đổi đáng kể và cần được xem xét khi đánh giá rừng tại hiện trường này.

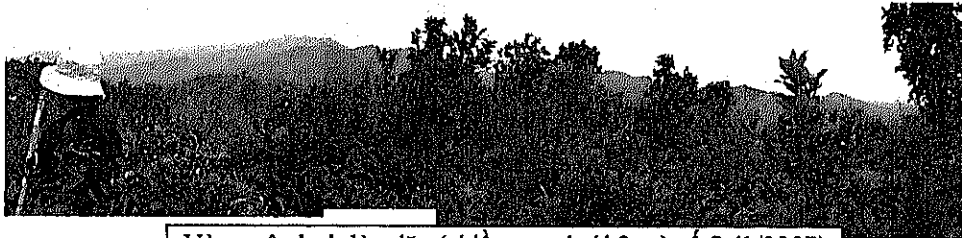


**Hình A6.12** Ảnh vệ tinh về tình hình che phủ đất Hiện trường 5 (Vùng Tây-bắc Bắc Phong)





Vùng cây bụi dày đặc (chiều cao dưới 3m) số 1 (1/2007)



Vùng cây bụi dày đặc (chiều cao dưới 3 m) số 2 (1/2007)

**Hình A6.13** Ảnh chụp tình hình che phủ đất (cây bụi dưới 3 m chiều cao)

Đặc điểm của mỗi diễn tích được xác định là rừng và các phương pháp khẳng định như trình bày tại Biểu A6.5.

**Biểu A6.5** Tóm tắt các đặc điểm phân loại rừng

Che phủ đất	Vị trí	Thực địa
Rừng tái sinh	Phía Đông-bắc hồ Xuân Phong	Khảo sát (2007) Ảnh máy bay (2004, 1970)
Cây bụi dày đặc (chiều cao dưới 3 m)	Trên ranh giới hiện trường dự án (Hồ Xuân Phong)	Khảo sát (2007)
Núi đá vôi trên đó cây bụi mọc dày đặc	Tây Bắc Phong	Khảo sát (2007) Xã sở tại (10 năm qua)
Lau Lach	Tây Bắc Phong	Khảo sát (2007) Xã sở tại 10 năm qua)
Mía đường	Ngoài hiện trường dự án	Khảo sát (2007)

#### 4 Đánh giá diễn tích "rừng" tại thời điểm cuối 1989

##### 4.1 Đánh giá "rừng" và "đất không có rừng" theo mỗi ảnh điểm trên ảnh vệ tinh

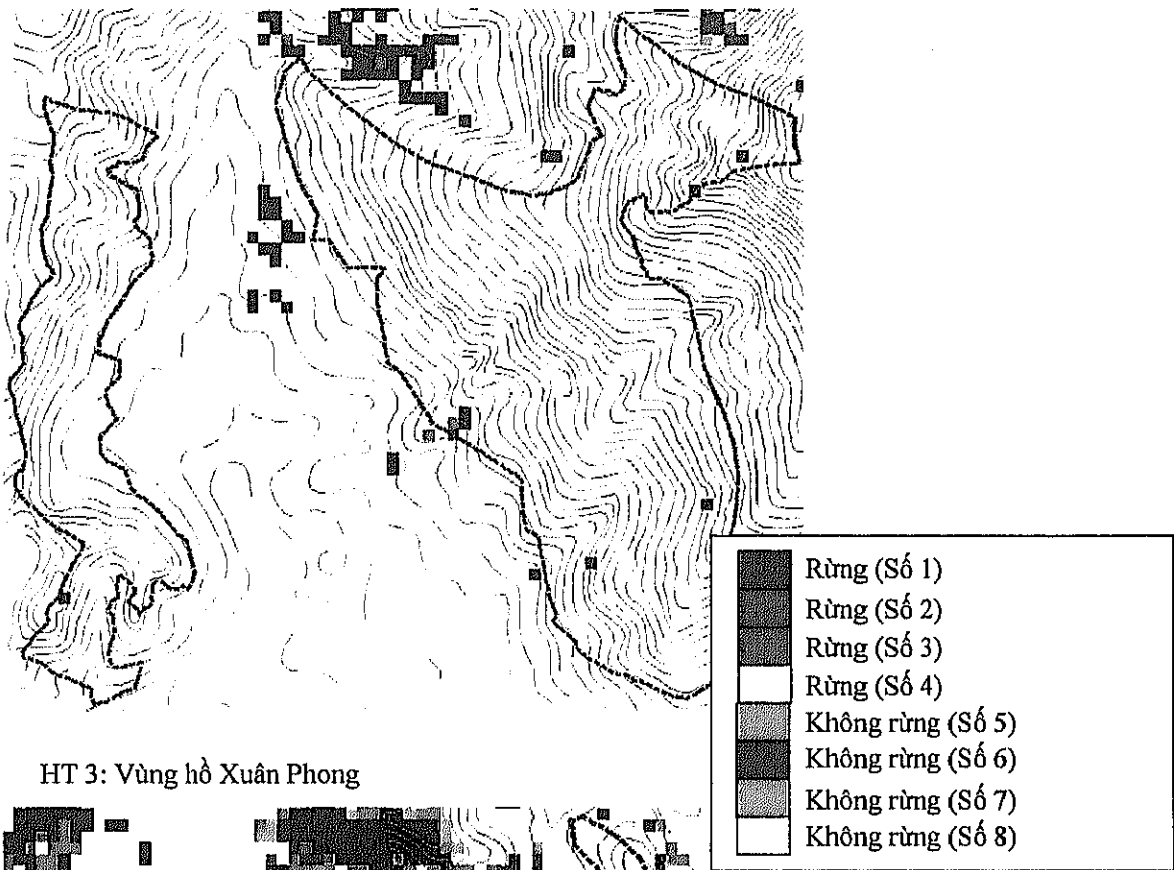
Kết quả phân loại hàng năm được tóm tắt tại Biểu A6.6. Theo kết quả phân loại từng ảnh vệ tinh, tiêu chuẩn phân loại tại thời điểm cuối 1989 được khẳng định tại cột bên phải của Biểu A6.6. Ảnh vệ tinh được đánh giá và xác định theo từng ảnh điểm thành "rừng" và "đất không có rừng" cuối năm 1989 với việc sử dụng tiêu chuẩn phân loại thời điểm cuối 1989.

**Biểu A6.6 Tiêu chuẩn đánh giá sử dụng đất cuối năm 1989**

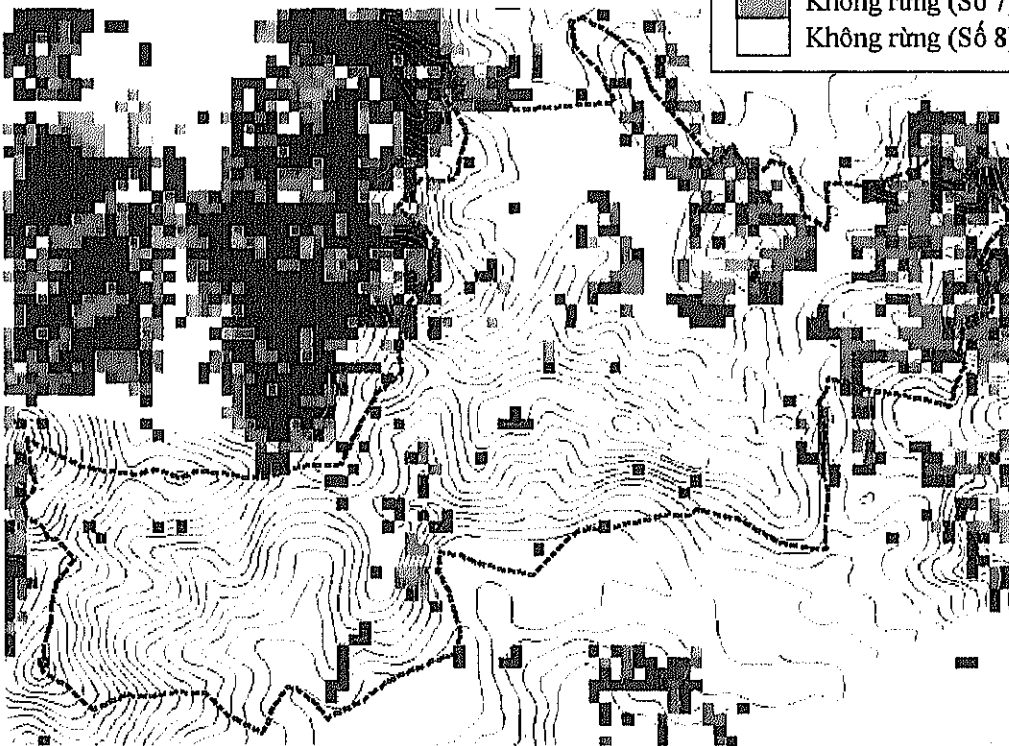
TT	Kết quả phân loại mỗi ảnh vệ tinh			Tiêu chuẩn phân loại (Cuối 1989)
	1987	1989	1993	
1	Rừng	Rừng	Rừng	Rừng
2	Rừng	Rừng	Đất không rừng	Rừng
3	Đất không rừng	Rừng	Rừng	Rừng
4	Đất không rừng	Rừng	Đất không rừng	Forest
5	Rừng	Đất không rừng	Rừng	Đất không rừng
6	Rừng	Đất không rừng	Đất không rừng	Đất không rừng
7	Đất không rừng	Đất không rừng	Rừng	Đất không rừng
8	Đất không rừng	Đất không rừng	Đất không rừng	Đất không rừng

Kết quả đánh giá như trong Hình A6.14 và A6.15.

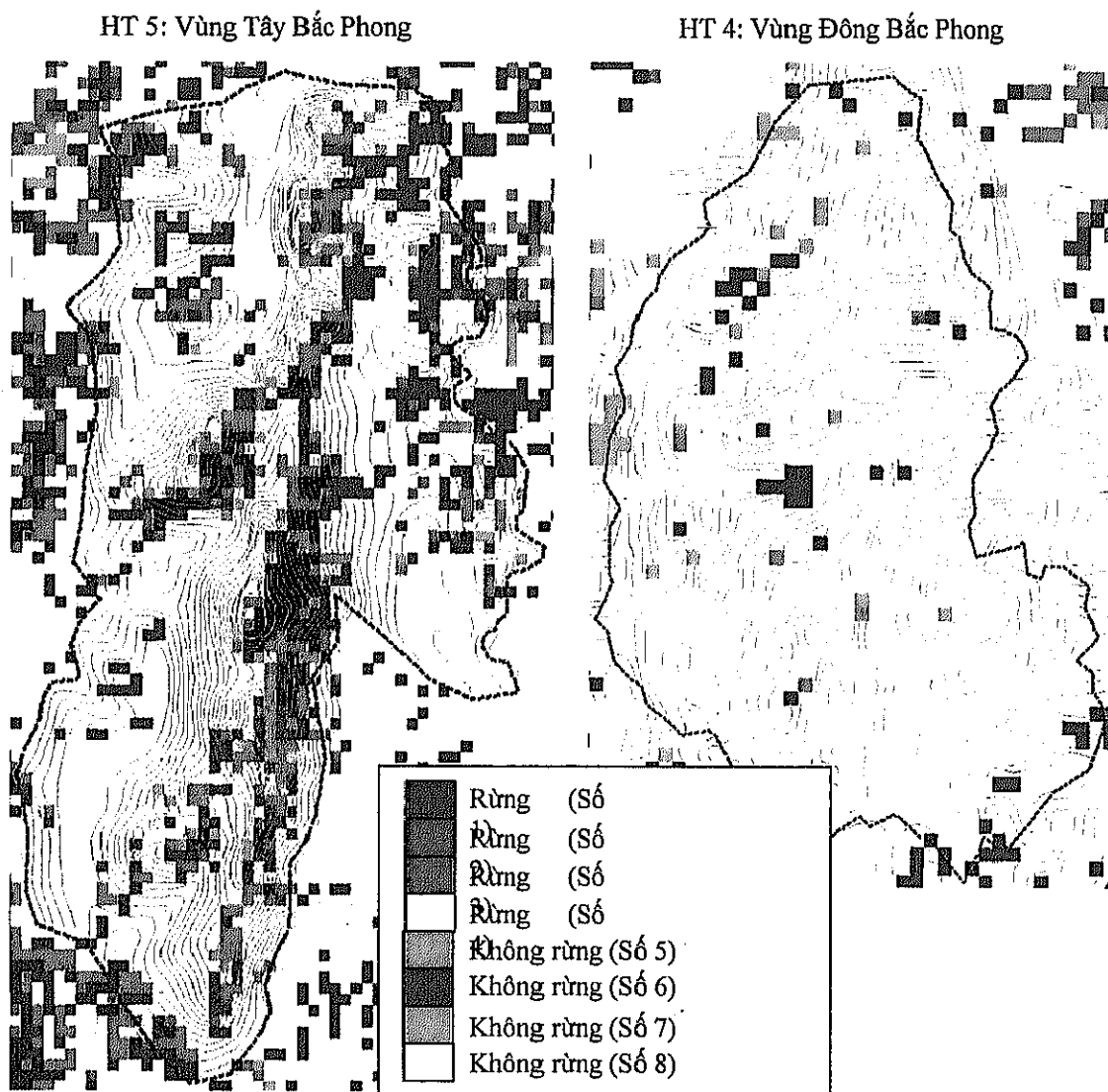
HT 1&2: Vùng Bắc và Đông-bắc Xuân Phong



HT 3: Vùng hồ Xuân Phong



Hình A6.14 Kết quả đánh giá “rừng” và “đất không có rừng” (Xuân Phong)



Hình A6.15 Kết quả đánh giá “rừng” và “đất không có rừng” tại xã Bắc Phong

#### 4.2 Đánh giá từng diện tích “rừng” và “đất không có rừng” tại các hiện trường dự án

Định nghĩa “rừng” ở Việt Nam là một phần diện tích rừng trên 0,5 ha. Nếu diện tích dưới 0,5 ha (có nghĩa là kê bên dưới 10 ảnh điểm), thì sẽ không được coi là “rừng”. Diện tích đáp ứng định nghĩa “rừng” ở Việt Nam được trình bày tại Hình A6.16 và A6.17. Kết quả của từng hiện trường tóm tắt dưới đây:

##### Hiện trường 1&2: Vùng Bắc và Đông-bắc Xuân Phong

Không có vùng được coi là “rừng” tại các hiện trường này.

##### Hiện trường 3: Vùng hồ Xuân Phong

Có 9 vùng “rừng” tại hiện trường này. Các vùng rừng này chủ yếu phân bố tại phía Đông-bắc của hiện trường dự án. Cần lưu ý rằng cây bụi dày cao dưới 3 m còn có thể được đánh giá như là “rừng” tại hiện trường này, như Biểu A6.5. Đối với phần được đánh giá như là “rừng”, có thể là phải kiểm tra tình hình che phủ đất cuối năm 1989 theo các cách khác.

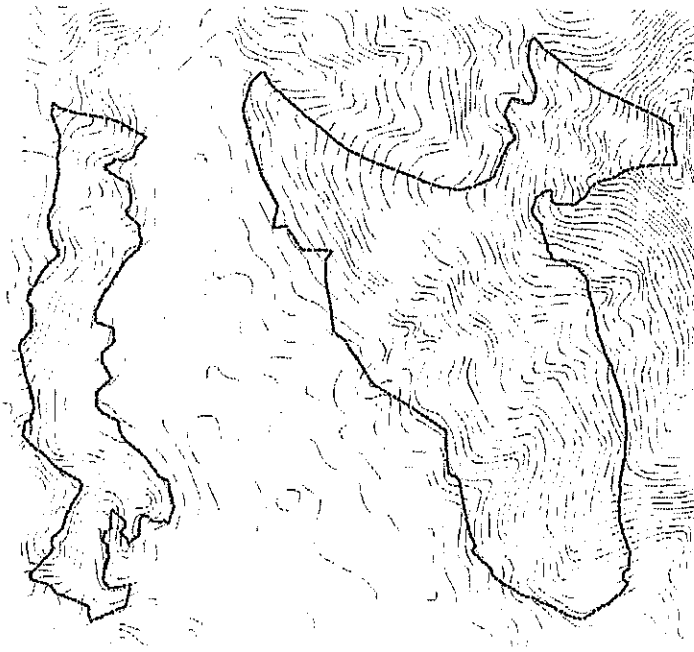
Hiện trường 4: Đông Bắc Phong

Không có các vùng “rừng” tại hiện trường.

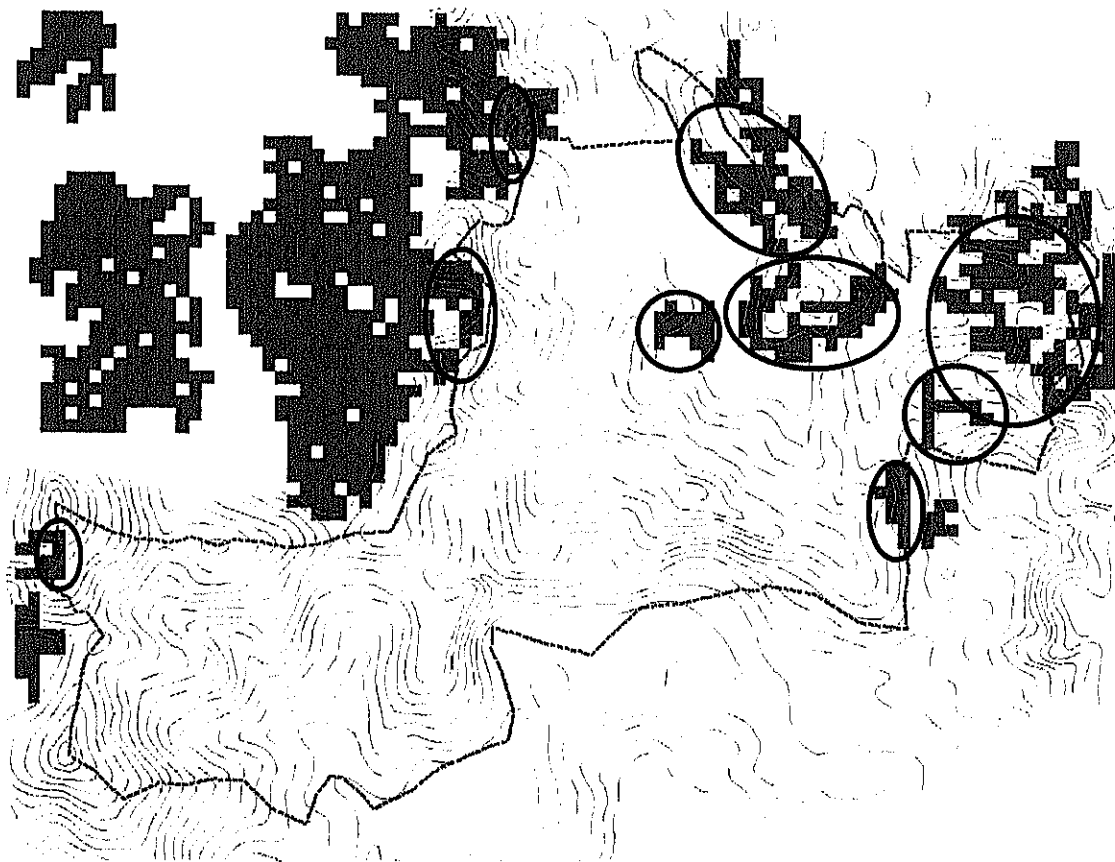
Hiện trường 5: Vùng Tây Bắc Phong

Có 14 diển tích “rừng” tại hiện trường. Chủ yếu là trên núi đá vôi. Tại hiện trường này, Lau Lach (một dạng cỏ lúa) và các núi đá vôi có cây bụi có thể được đánh giá như là “rừng”, như trình bày tại Biểu A6.5. Đối với phần được đánh giá như là rừng, có thể phải kiểm tra tình hình che phủ đất cuối năm 1989 theo các cách khác.

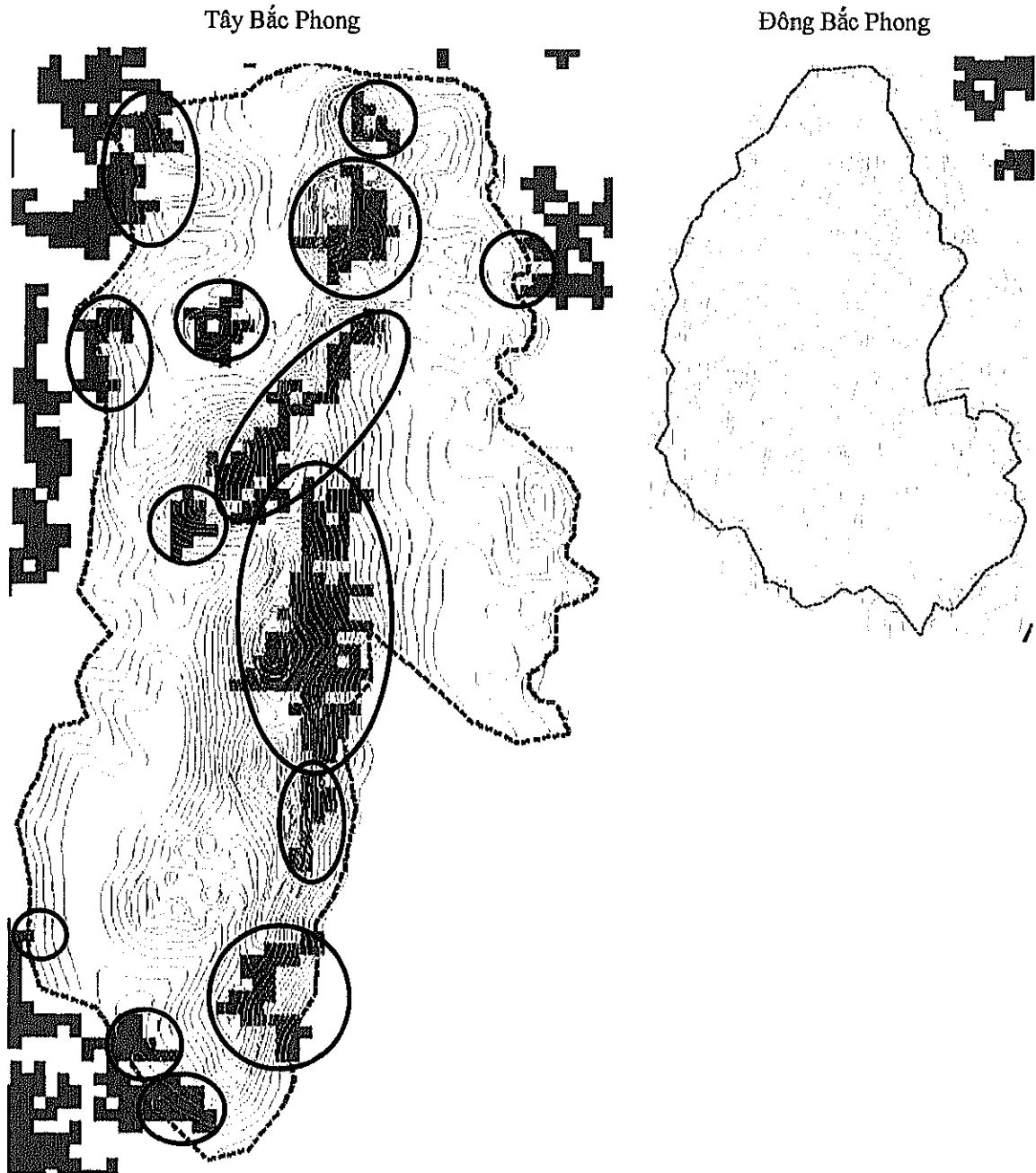
HT 1&2  
Vùng Bắc và Đông-bắc  
Xuân Phong



HT 3 : Vùng hồ Xuân Phong



Hình A6.16 Diễn tích “rừng” cuối 1989 tại xã Xuân Phong



Hình A6.17 Diễn tích “rừng” tại thời điểm cuối 1989 ở xã Bắc Phong

Diễn tích “rừng” tại mỗi hiện trường dự án cuối 1989 được tóm tắt tại Biểu A6.7.

**Biểu A6.7 Diễn tích “rừng” được đánh giá cuối 1989**

Tên hiện trường	Diễn tích trong ranh giới ban đầu của dự án	Diễn tích rừng
Tây Bắc Phong	163,2 ha	24,2 ha
Đông Bắc Phong	83,8 ha	0,0 ha
Tây-bắc Xuân Phong	25,8 ha	0,0 ha
Đông-bắc Xuân Phong	74,6 ha	0,0 ha
Hồ Xuân Phong	144,7 ha	14,8 ha

## 5 Tóm tắt và kết luận

- Diễn tích “rừng” và “đất không có rừng” tại các hiện trường dự án cuối 1989 đã được đánh giá với việc sử dụng 4 ảnh vệ tinh (Ảnh viễn thám Landsat/TM, 1987, 1989, 1993, và 2007) và có một số diễn tích được xác định như là “rừng” tại Tây Bắc Phong và hồ Xuân Phong.
- Lau lách (một dạng cỏ lúa) và cây bụi dày đặc chiều cao dưới 3 m cũng có thể được đánh giá như là “rừng” theo phương pháp sử dụng trong nghiên cứu, như trình bày tại Biểu A6.5. Đối với diễn tích được phân loại như là “rừng”, cần kiểm tra tình hình che phủ đất cuối 1989 bằng các cách khác để khẳng định kết quả.
- Phân loại này không có rừng trồng (xem mục "2. Số liệu chi tiết và Phương pháp phân loại"). Có thể phải xem xét bao quát các diễn tích đã là rừng trồng tại thời điểm cuối 1989.
- Các số liệu tập huấn được chấp nhận trong nghiên cứu này thuộc về hình ảnh quang phổ đặc trưng. Cần phải kiểm tra tình hình che phủ đất tại cùng thời điểm với chụp ảnh vệ tinh.



Phụ lục-7

*Bản đồ ranh giới dự án cuối cùng*

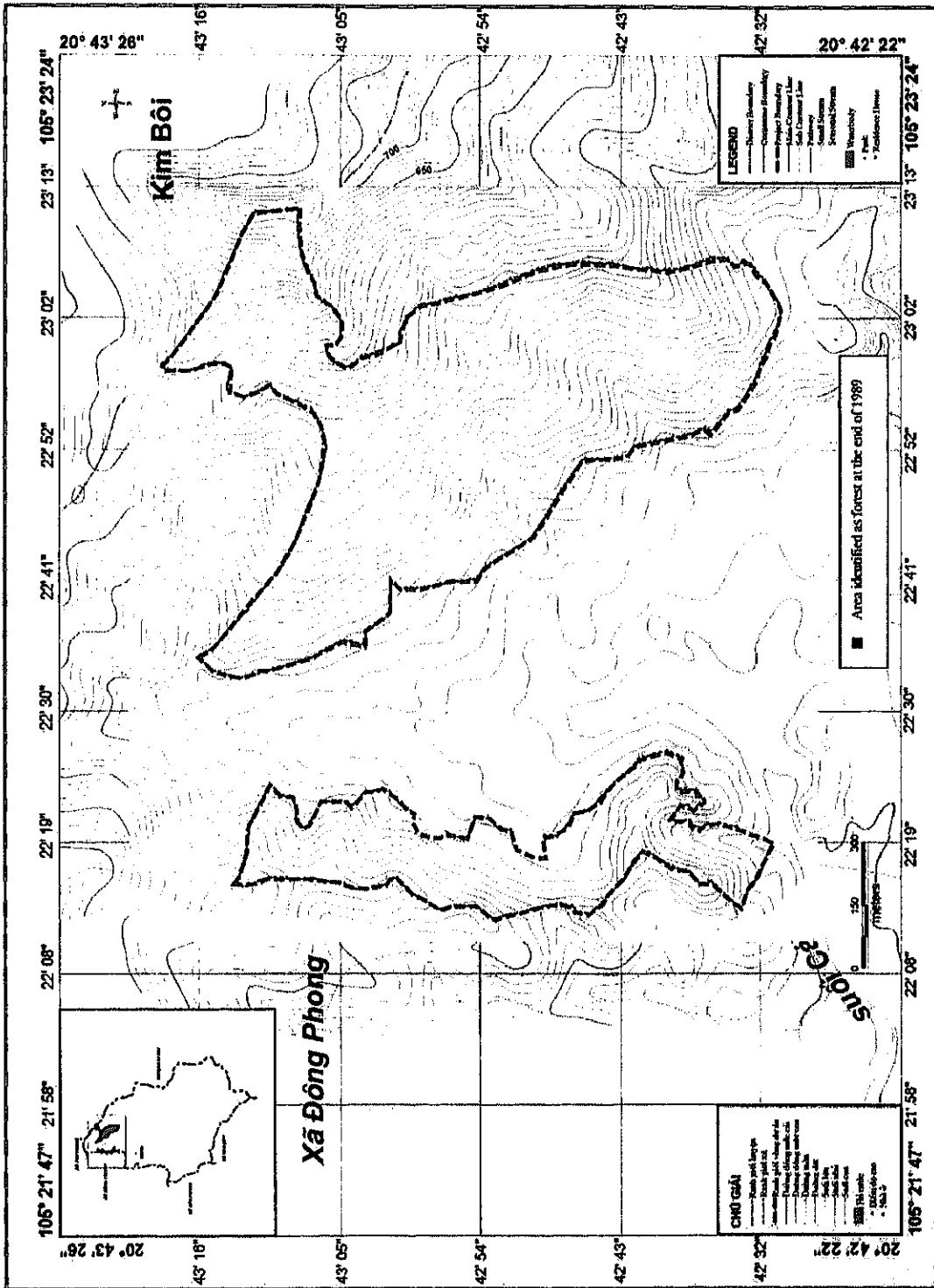


**BẢN ĐỒ RANH GIỚI VÙNG DỰ ÁN AR-CDM (VÙNG 1&2)**

AR-CDM PROJECT BOUNDARY MAP (Site 1&2)

XÓM NHỎI - XUÂN PHONG - CAO PHONG - HOÀ BÌNH

NHỎI VILLAGE - XUÂN PHONG - CAO PHONG - HOÀ BÌNH

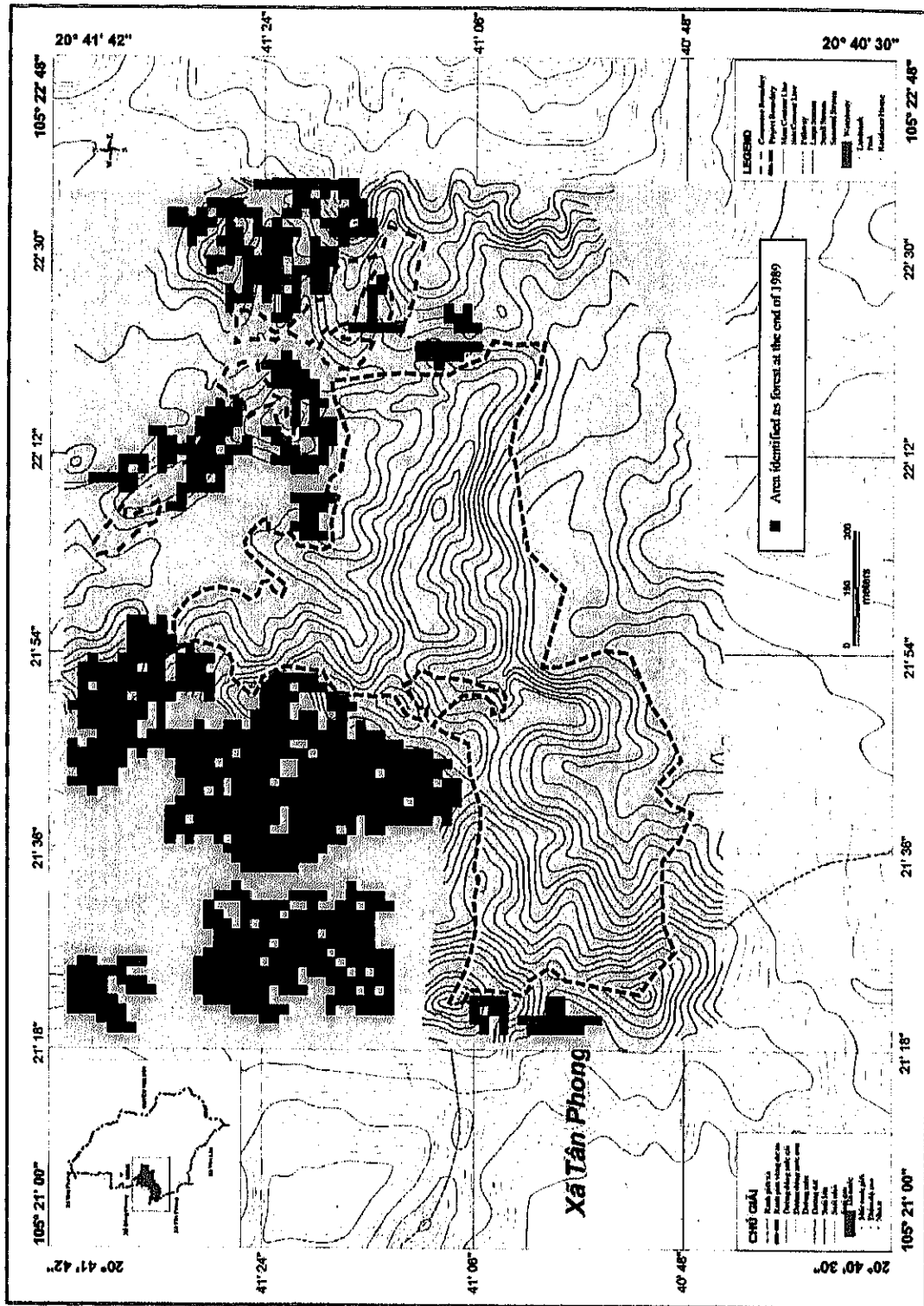


Bản đồ Ranh giới dự án cuối cùng (Hiện trường 1&2: Vùng Bắc và Đông bắc Xuân Phong)

### BẢN ĐỒ RANH GIỚI VÙNG DỰ ÁN AR-CDM (VÙNG - 3)

AR-CDM PROJECT BOUNDARY MAP (Site - 3)

XÓM CĂN - XUÂN PHONG - CAO PHONG - HÒA BÌNH  
CAN VILLAGE - XUAN PHONG - CAO PHONG - HOA BINH



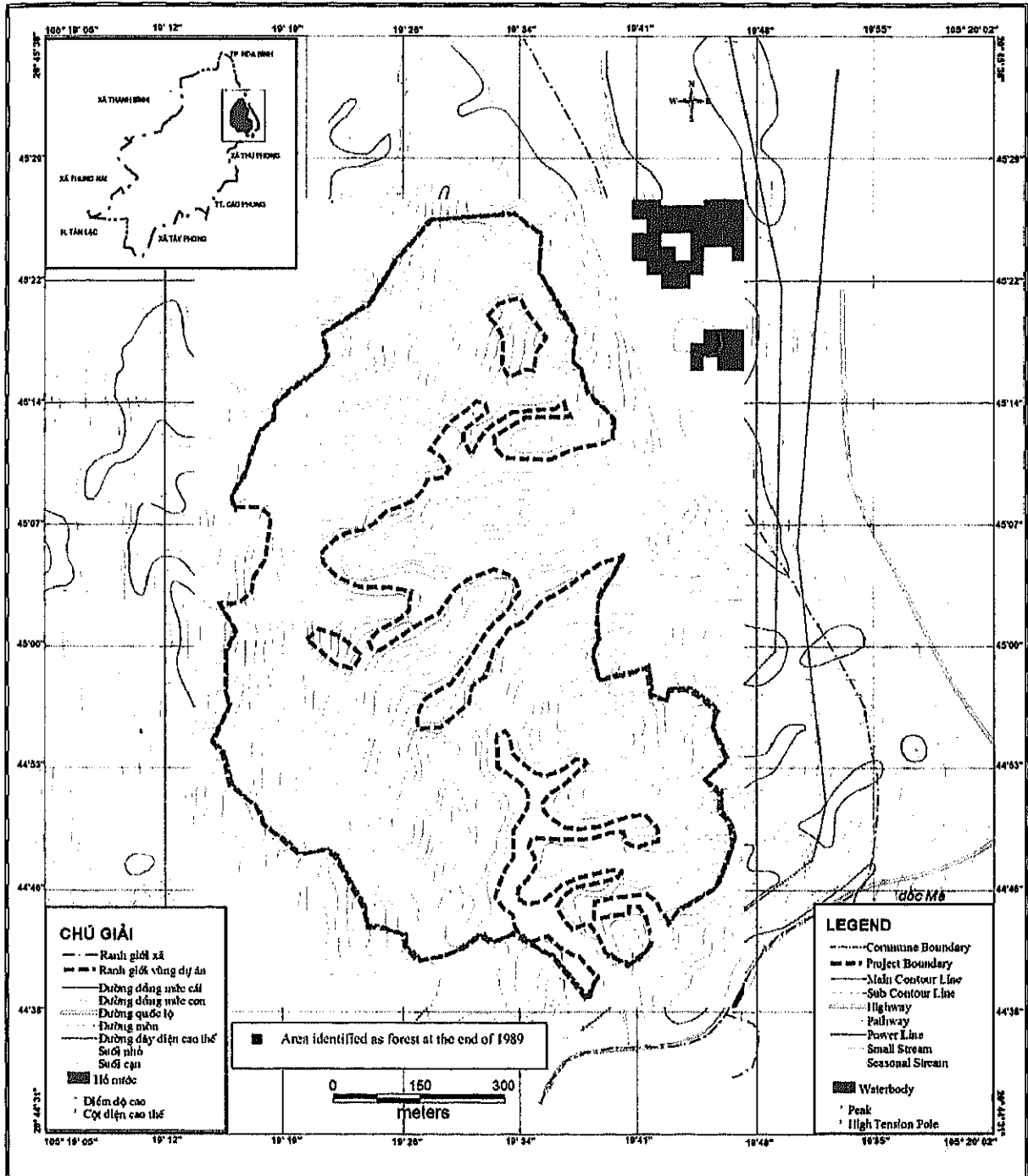
Bản đồ Ranh giới dự án cuối cùng (Hiện trường 3: Khu vực hồ Xuân Phong)

# BẢN ĐỒ RANH GIỚI VÙNG DỰ ÁN AR-CDM (VÙNG - 4)

AR-CDM PROJECT BOUNDARY MAP (Site - 4)

XÓM BẮC SƠN - BẮC PHONG - CAO PHONG - HÒA BÌNH

BAC SON VILLAGE - BAC PHONG - CAO PHONG - HOA BINH



Bản đồ Ranh giới dự án cuối cùng (Hiện trường 4: Vùng phía Đông Bắc Phong)



Phụ lục-8

*Bảng hỏi điều tra phỏng vấn  
kinh tế xã hội và kết quả*





**Bảng hỏi điều tra Hộ gia đình**

Họ và Tên   
 Tuổi   
 Giới tính   
 Trình độ văn hoá   
 Xã   
 Thôn/Bản   
 Ngày điều tra

Chọn 1

1. chưa bao giờ đi học
2. chưa học xong tiểu học
3. đã tốt nghiệp tiểu học
4. đã tốt nghiệp trung học cơ sở
5. đã tốt nghiệp trung học phổ thông
6. đã tốt nghiệp cao đẳng/ đại học

Người kiểm tra

**PHẦN 1: Thông tin chung**

1-1 Anh/ Chị là người dân tộc nào?

1. Mường
2. Kinh
3. Khác ( )

Chọn 1 câu trả lời

1-2 Thành viên hộ gia đình:

1. Gia đình Anh/Chị có bao nhiêu người?
2. Bao nhiêu người đang trong độ tuổi lao động?  
(15 đến 60 tuổi đối với đàn ông, 15 đến 54 tuổi đối với phụ nữ)
3. Bao nhiêu người trong độ tuổi lao động có thu nhập?

Trả lời số thành viên trong hộ gia đình

1-3 Trình độ văn hoá của các thành viên trong hộ gia đình?

1. chưa bao giờ đi học
2. chưa học xong tiểu học
3. đã tốt nghiệp tiểu học
4. đã tốt nghiệp trung học cơ sở
5. đã tốt nghiệp trung học phổ thông
6. đã tốt nghiệp cao đẳng/ đại học

Trả lời số thành viên trong hộ gia đình

1-4 Anh/ Chị đã từng tham gia các khoá đào tạo về lâm nghiệp và khuyến nông lâm nào chưa?

1. Có
2. Chưa

Chọn 1 câu trả lời

**PHẦN 2: Đất đai và sử dụng đất**

2-1 Gia đình có nhớ hiện trạng sử dụng vùng đất dự án AR-CDM năm 1989 không?

1. Có, lúc đó là đất đồng cỏ và cây bụi
2. Có, lúc đó là cây bụi
3. Có, lúc đó là cây bụi và có một số cây nhỏ
4. Có, lúc đó là rừng và có cây to
5. Không, tôi không nhớ

Chọn 1 câu trả lời

<input type="checkbox"/>	Xuân Phong (khu vực hồ nước)
<input type="checkbox"/>	Xuân Phong (khu vực Đông Bắc)
<input type="checkbox"/>	Xuân Phong (khu vực phía Bắc)
<input type="checkbox"/>	Bắc Phong (khu vực hồ nước)
<input type="checkbox"/>	Bắc Phong (khu vực phía Tây)

2-2 Gia đình có nhớ khi nào rừng trong vùng dự án AR-CDM bị chặt không?

1. Có, cách đây khoảng dưới 10 năm
2. Có, cách đây khoảng 10-20 năm
3. Có, cách đây khoảng 20-30 năm
4. Có, cách đây khoảng 30-40 năm
5. Có, cách đây khoảng 40-50 năm
6. Có, cách đây khoảng hơn 50 năm
7. Không, tôi không nhớ.

Chọn 1 câu trả lời

<input type="checkbox"/>	Xuân Phong (khu vực hồ nước)
<input type="checkbox"/>	Xuân Phong (khu vực Đông Bắc)
<input type="checkbox"/>	Xuân Phong (khu vực phía Bắc)
<input type="checkbox"/>	Bắc Phong (khu vực hồ nước)
<input type="checkbox"/>	Bắc Phong (khu vực phía Tây)

2-3 Gia đình có được giao đất giao rừng không?

1. Có
2. Không

Chọn 1 câu trả lời

<input type="checkbox"/>
--------------------------

2-4 Gia đình có bao nhiêu đất đai? (đề nghị ghi rõ đơn vị tính - sào, ha hoặc m2)

1. Đất nông nghiệp
2. Đất lâm nghiệp

Được giao   
Được giao

thuê   
thuê

khác   
khác

2-5 Gia đình trồng loại cây gì?

1. lúa nước (có hệ thống tưới tiêu)
2. lúa nước (nước mưa)
3. lúa nương
4. Ngô
5. Sắn
6. Mía (để ăn)/ Mía tím
7. Mía (để ép lấy nước và sản xuất đường)/ Mía trắng
8. Cam
9. Khác ( )

Đánh dấu

Diện tích vụ mùa trong năm 2006  
(đề nghị ghi rõ đơn vị tính - sào, ha hoặc m2)



2-6 Gia đình sử dụng diện tích đất rừng được giao trong vùng dự án AR-CDM như thế nào?

1. Để sản xuất mùa vụ (sử dụng như đất canh tác lâu năm)
2. Để sản xuất mùa vụ (đốt nương làm rẫy)
3. Để trồng cây (gia đình tự đầu tư trồng)
4. Để trồng cây (do các dự án/ chương trình hỗ trợ, ví dụ như chương trình 661)
5. Để làm bãi chăn thả gia súc
6. Để làm nơi lấy củi
7. Không sử dụng làm gì cả
8. Khác ( )

Chọn tất cả các câu trả lời

<input type="checkbox"/>
--------------------------

2-7 Tại sao gia đình không trồng rừng trên diện tích đất rừng đã được giao?  
(câu hỏi chỉ dành cho hộ gia đình nào không trồng rừng trên diện tích đất rừng được giao)

1. Thiếu vốn
2. Hỗ trợ tiền và vật tư từ các chương trình hỗ trợ của chính phủ không đủ
3. Đất không đủ khả năng trồng trọt
4. Rừng không mang lại lợi nhuận một cách nhanh chóng
5. Không biết làm thế nào để quản lý rừng
6. Thiếu nhân lực
7. Khác ( )

Trả lời theo thứ tự


2-8 Gia đình muốn sử dụng diện tích đất rừng được giao theo cách nào?

Chọn tới 2 câu trả lời

--

1. Trồng cây
2. Trồng cỏ hoặc cây cho thức ăn thô cho gia súc
3. Trồng cây ăn quả
4. Canh tác mùa vụ hàng năm (ghi rõ: \_\_\_\_\_)
5. Để làm đất chăn thả
6. Không biết
7. Ý kiến khác ( \_\_\_\_\_ )

**PHẦN 3: Gia súc Gia cầm**

3-1 Gia đình nuôi bao nhiêu con gia súc, gia cầm?

1. Trâu
2. Bò
3. Lợn
4. Dê
5. Gia cầm (gà, vịt, ...)
6. Khác ( \_\_\_\_\_ )

Đã lớn (> 1 năm tuổi)

Còn bé (< 1 năm tuổi)

Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	

Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	
Bao nhiêu con	

3-2 Mỗi con trâu/ bò của g/đình cân nặng trung bình khoảng bao nhiêu?

1. Trâu
2. Bò

Đã lớn (> 1 năm tuổi)

Còn bé (< 1 năm tuổi)

	kg
	kg

	kg
	kg

3-3 Gia đình nuôi gia súc, gia cầm để làm gì?

1. Trâu
2. Bò
3. Lợn
4. Dê
5. Gia cầm (gà)
6. Khác ( \_\_\_\_\_ )

Làm vật kéo

Để bán

Tự cung cấp

đánh dấu	
đánh dấu	
đánh dấu	
đánh dấu	
đánh dấu	
đánh dấu	

Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	

Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	
Đánh dấu	

3-4 Một tuần gia đình dành mấy ngày cho việc chăn thả trâu/bò/dê?

(Trả lời số ngày mỗi tuần)

Mùa đông  
các mùa khác

Trâu/ Bò

Dê

	ngày
	ngày

	ngày
	ngày

3-5 Một ngày gia đình dành mấy giờ cho việc chăn thả trâu /bò /dê?

Mùa đông  
các mùa khác

Trâu/ Bò

Dê

	giờ
	giờ

	giờ
	giờ

3-6 Gia đình chăn thả trâu/ bò/ dê ở đâu?

trong vùng dự án AR-CDM  
vùng khác

Trâu/ Bò

Dê

	%
	%

	%
	%

3-7 Gia đình hay thôn bản có quy định rõ khu vực nào được phép chăn thả trâu bò?

1. Có, chỉ quy định trong phạm vi đất thôn bản
2. Có, quy định đối với cả diện tích đất ngoài phạm vi thôn bản
3. Không, được chăn thả tự do

Chọn 1 câu trả lời

--

3-8 Gia đình có dự định nuôi thêm gia súc, gia cầm?

1. Có
2. Không

Chọn 1 câu trả lời

--

## PHẦN 4: Tình hình kinh tế xã hội &amp; Môi trường

4-1 Năm ngoái gia đình có thu nhập từ những hoạt động nào dưới đây? (theo nguồn thu nhập)

Bán nông sản

1. Lúa nước
2. Ngô
3. Sắn
4. Mía (để ăn)
5. Mía (để ép lấy nước và sản xuất đường)
6. các loại cây khác ( )

	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm

Bán gia súc gia cầm

7. Trâu
8. Bò
9. Lợn
10. Dê
11. Gia cầm (gà, vịt, ...)

	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm

Các hoạt động lâm nghiệp/nghề rừng

12. Tiền công từ các hoạt động thuê khoán
13. Bán lâm sản (củi, gỗ, lâm sản ngoài gỗ)

	đồng/năm
	đồng/năm

Các nguồn khác

14. Lương từ các công ty/ văn phòng công
15. Thu nhập từ các cơ sở sản xuất kinh doanh tư nhân
16. Tiền công lao động (từ tất cả các hoạt động, trừ hoạt động lâm nghiệp)
17. Khác ( )

	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm

**TỔNG SỐ**

	đồng/năm
--	----------

4-2 Thu nhập hàng năm của gia đình có ổn định không?

1. Thu nhập tăng và ổn định
2. Thu nhập khá ổn định nhưng có xu hướng giảm
3. Giảm
4. Không ổn định

Chọn 1 câu trả lời

--

4-3 Chi tiêu của gia đình năm ngoái?

Chi tiêu cho sản xuất

1. Sản xuất nông nghiệp (hạt giống, phân bón, v.v.)
2. Chăn nuôi gia súc gia cầm (con giống, thức ăn, chi phí tiêm phòng, thú y, v.v.)
3. Trồng/ phát triển rừng

	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm

Chi phí sinh hoạt

4. Lương thực
5. Y tế, chăm sóc sức khỏe
6. Giáo dục
7. Thông tin liên lạc/ Đi lại
8. Các sự kiện đặc biệt (hiếu, hì, hội hè, v.v.)
9. Các chi phí sinh hoạt khác (điện, nhiên liệu, các loại thuế, v.v.)

	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm
	đồng/năm

**TỔNG**

	đồng/năm
--	----------

44 Gia đình sử dụng loại chất đốt nào là chính?

1. Củi
2. Than
3. Biogas
4. Khác ( )

Chọn tất cả các câu trả lời


45 Gia đình sử dụng loại bếp nào?

1. Bếp kiềng 3 chân
2. Bếp lò cải tiến
3. Khác ( )

Chọn 1 câu trả lời

--

46 Mỗi tháng gia đình tiêu thụ hết bao nhiêu bó củi?

- Vào mùa đông (từ tháng 12 đến tháng 2)
- Các tháng khác

	bó / tháng
	bó / tháng

1 bó = \_\_\_\_\_ kg

47 Gia đình lấy củi bằng cách nào?

1. Các thành viên trong hộ gia đình đi thu nhặt
2. Mua của các hộ gia đình khác;

	%
	%

48 Trong gia đình Anh/ Chị, ai là người đi lấy củi chính?

1. người lớn (nam giới)
2. người lớn (phụ nữ)
3. Trẻ em (con trai)
4. Trẻ em (con gái)

Chọn 1 câu trả lời

--

49 Gia đình đi lấy củi ở trên đồi/ trong rừng có thường xuyên không?

0. Không đi
1. 1 lần/ tuần
2. 2 lần/ tuần
3. 3 lần/ tuần
4. Hơn 4 lần/ tuần

Chọn 1 câu trả lời

--

4-10 Gia đình thường lấy củi ở đâu?

0. Gia đình tôi không đi lấy củi
1. Lấy tại vùng dự án AR-CDM
2. Lấy tại khu vực làng quy định
3. Lấy ở bất cứ nơi nào có củi trong khu vực xã
4. Lấy ở bất cứ nơi nào có củi thậm chí ngoài địa bàn xã

Chọn tất cả các câu trả lời

--

(ước tính tỷ lệ phần trăm củi lấy từ vùng dự án AR-CDM so với tổng số củi lấy được)

	%
--	---

4-11 Gia đình có thấy là hiện nay lấy củi khó hơn so với trước đây không?

1. Có
2. Không
3. Bình thường (giống như trước đây)

Chọn 1 câu trả lời

--

**PHẦN 5: Khó khăn hiện tại**

5-1 Gia đình gặp phải vấn đề khó khăn chính gì trong sản xuất mùa vụ ?

1. Không đủ đất để canh tác
2. Điều kiện đất xấu
3. Thiếu vốn đầu tư đầu vào (hạt giống, phân bón, v.v.)
4. Thị trường bán nông sản không ổn định
5. Sản xuất không ổn định
6. Thiếu nhân lực
7. Điều kiện thời tiết không ổn định
8. Sâu bệnh và dịch hại
9. Khác ( )
10. Khác ( )

Ví dụ
2
1
3
5
4

Trả lời theo thứ tự

5-2. Khó khăn trở ngại chính trong chăn nuôi gia súc gia cầm?

1. Thiếu thức ăn cho vật nuôi
2. Thiếu đất chăn thả
3. Thiếu kỹ thuật chăn nuôi
4. Giá bán vật nuôi không ổn định
5. Thiếu nhân lực
6. Bệnh dịch
7. Khác ( )
8. Khác ( )

Ví dụ
3
1
4
2

Trả lời theo thứ tự

**PHẦN 6: Mong đợi từ phía Dự án**

6-1 Gia đình muốn trồng loại cây nào trên diện tích đất được giao? Tại sao?

1. Cây mọc nhanh (nếu rõ: \_\_\_\_\_)
2. Cây bán địa (nếu rõ: \_\_\_\_\_)
3. Cây ăn quả (nếu rõ: \_\_\_\_\_)
4. Cây cho thức ăn thô cho gia súc (nếu rõ: \_\_\_\_\_)
5. Tre luồng
6. Khác (nếu rõ: \_\_\_\_\_)
7. Không loại nào

Trả lời các lý do


Các lý do: (a) Có kiến thức và kinh nghiệm trồng loại cây đó  
 (b) Thấy người khác trồng loại cây đó và có kết quả tốt  
 (c) Có thể có thu nhập trong tương lai  
 (d) Để bảo vệ môi trường  
 (e) Lý do khác ( )

6-2 Dự án thí điểm Trồng rừng & Tái trồng rừng theo Cơ chế phát triển sạch (AR-CDM) đòi hỏi phải tuân theo những quy định cụ thể về quản lý bảo vệ rừng tập thể.

Gia đình có sẵn sàng tham gia Dự án không?

Chọn 1 câu trả lời

--

1. Có, sẵn sàng
2. Có, nhưng còn phụ thuộc vào hỗ trợ trồng rừng của dự án cũng như những quy định ntn
3. Không thể quyết định được bây giờ
4. Không

6-3 Gia đình sẽ vẫn sẵn sàng tham gia dự án ngay cả trong trường hợp Dự án yêu cầu gia đình quản lý việc chăn thả gia súc trong vùng dự án?

1. Có. (trả lời tiếp câu hỏi 6-4)
2. Không

--

6-4 Gia đình sẽ làm gì nếu việc chăn thả gia súc trong vùng Dự án bị hạn chế?

1. Chúng tôi sẽ chăn thả ở vùng khác (ngoài vùng dự án)
2. Chúng tôi sẽ giảm số lượng gia súc xuống hoặc không nuôi gia súc nữa
3. Khác (vui lòng làm rõ \_\_\_\_\_)

Chọn tất cả các câu trả lời

--

6-5 Gia đình sẽ làm thế nào nếu việc lấy củi trong vùng dự án AR-CDM bị hạn chế?

1. Gia đình tôi sẽ lấy củi ở vùng khác (ngoài vùng dự án AR-CDM)
2. Gia đình sẽ chuyển sang sử dụng loại chất đốt khác
3. Khác (vui lòng làm rõ \_\_\_\_\_)

Chọn tất cả các câu trả lời

--

6-6 Gia đình muốn biết thêm thông tin gì về Dự án

1. Hỗ trợ tài chính và vật tư trồng rừng từ phía Dự án
2. Quy định quản lý và bảo vệ rừng
3. Quy định hưởng lợi
4. Dự tính thu nhập từ rừng trong tương lai
5. Khác ( \_\_\_\_\_ )

Trả lời theo thứ tự


6-7 Gia đình có mong muốn gì đối với Dự án?

1. Dự án hỗ trợ tài chính & hỗ trợ vật tư trồng rừng
2. Hỗ trợ kỹ thuật (đào tạo) trồng rừng và quản lý rừng
3. Hỗ trợ kỹ thuật (đào tạo) tạo/ nâng cao thu nhập
4. Bảo vệ môi trường trong khu vực
5. Khác ( \_\_\_\_\_ )

Trả lời theo thứ tự


6-8 Gia đình có đề xuất, câu hỏi, ý kiến gì không?

--

**Trân trọng cảm ơn!**





Số.	Câu hỏi	Lựa chọn	Khu vực					Tổng	
			Hiện trường -1 (Khu vực phía Bắc)	Hiện trường -2 (Khu vực Đông bắc)	Hiện trường -3 (Khu vực hồ)	Hiện trường -4 (Khu vực phía Đông)	Hiện trường -5 (Khu vực phía Tây)	(Người)	(%)
2-1	Anh/Chị có nhớ hiện trạng sử dụng đất của khu vực dự án vào năm 1989 không? (có thể chọn nhiều câu trả lời)	1 Có, lúc đó là đồng cỏ và cây bụi	8 (11.8%)	9 (11.0%)	35 (32.4%)	33 (38.8%)	28 (42.4%)	113 (27.6%)	
		2 Có, lúc đó là cây bụi	23 (33.8%)	54 (65.9%)	35 (32.4%)	27 (31.8%)	18 (27.3%)	157 (38.4%)	
		3 Có, lúc đó là cây bụi và một ít cây nhỏ	31 (45.6%)	10 (12.2%)	23 (21.3%)	16 (18.8%)	13 (19.7%)	93 (22.7%)	
		4 Có, lúc đó là rừng và có cây to	0 (0.0%)	2 (2.4%)	0 (0.0%)	8 (9.4%)	4 (6.1%)	14 (3.4%)	
		5 Không, tôi không nhớ	6 (8.8%)	7 (8.5%)	15 (13.9%)	1 (1.2%)	3 (4.5%)	32 (7.8%)	
	Tổng số trả lời	68	82	108	85	68	408	-	
2-2	Anh/Chị có nhớ khi nào rừng trong vùng dự án bị chặt không? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Có, cách đây khoảng dưới 10 năm	1 (1.3%)	2 (2.5%)	4 (4.0%)	3 (3.5%)	2 (3.1%)	12 (2.9%)	
		2 Có, cách đây khoảng 10 đến 20 năm	2 (2.5%)	10 (12.3%)	3 (3.0%)	21 (24.4%)	6 (9.2%)	42 (10.2%)	
		3 Có, cách đây khoảng 20 - 30 năm	25 (31.6%)	16 (19.8%)	30 (30.3%)	28 (32.6%)	30 (46.2%)	129 (31.5%)	
		4 Có, cách đây khoảng 30 - 40 năm	1 (1.3%)	0 (0.0%)	1 (1.0%)	8 (9.3%)	7 (10.8%)	17 (4.1%)	
		5 Có, cách đây khoảng 40 - 50 năm	1 (1.3%)	10 (12.3%)	8 (8.1%)	4 (4.7%)	1 (1.5%)	24 (5.9%)	
		6 Có, cách đây khoảng hơn 50 năm.	3 (3.8%)	7 (8.6%)	1 (1.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	11 (2.7%)	
		7 Không, tôi không nhớ	46 (58.2%)	36 (44.4%)	52 (52.5%)	22 (25.6%)	19 (28.2%)	175 (42.7%)	
	Tổng số trả lời	79	81	99	86	65	410	-	

Số	Câu hỏi	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc)		Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực hồ)		Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)		Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía Tây)		Tổng			
			(Hộ)	(%)	(Hộ)	(%)	(Hộ)	(%)	(Hộ)	(%)	(Hộ)	(%)	(Hộ)	(%)
2-3	Gia đình có được giao đất không?	1 Có	75	100.0%	102	100.0%	47	97.9%	62	100.0%	286	99.7%		
		2 Không	0	0.0%	0	0.0%	1	2.1%	0	0.0%	1	0.3%		
		Tổng số trả lời	75	-	102	-	48	-	62	-	287	-		
		2-4	Gia đình có bao nhiêu đất? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời) (Diện tích Bình quân là bình quân diện tích giữa các hộ có loại đất đó)	1 Được giao	75	0.28	98	0.29	48	0.17	60	0.24	281	0.25
				2 Thuê	7	0.20	4	0.34	6	0.17	6	0.07	23	0.18
				3 Khác	2	0.05	15	0.23	15	0.24	7	0.33	39	0.24
				Tổng số trả lời	84	-	117	-	69	-	73	-	343	-
				1 Được giao	74	2.02	99	1.12	47	1.26	62	2.23	282	1.62
				2 Thuê	2	14.00	2	1.68	2	0.15	2	3.80	8	4.91
				3 Khác	2	0.15	4	1.10	5	1.12	5	0.45	16	0.78
Tổng số trả lời	78	-	105	-	54	-	69	-	306	-				
2-5	Gia đình trồng loại cây gì? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời) (Diện tích BQ là diện tích bình quân giữa các hộ trồng loại cây đó)	1 Lúa nước (có hệ thống tưới tiêu)	66	0.20	78	0.16	41	0.15	53	0.14	238	0.16		
		2 Ngô	46	0.14	70	0.09	27	0.19	53	0.21	196	0.15		
		3 Sắn	48	0.16	55	0.13	25	0.12	45	0.16	173	0.14		
		4 Mía (Để ăn)	27	0.19	22	0.19	44	0.22	52	0.32	145	0.25		
		5 Mía (Để ép nước và sản xuất đường)	19	0.26	57	0.22	24	0.21	19	0.28	119	0.23		
		6 Lúa nước (Dùng nước mưa)	22	0.11	35	0.14	3	0.12	13	0.12	73	0.13		
		7 Lúa nương	12	0.19	2	0.18	1	0.20	3	0.63	18	0.29		
		8 Dưa hấu	4	0.29	0	0.00	0	0.00	10	0.00	14	0.29		
		9 Cây khác (Khoai lang, Xoài, chè...)	2	0.04	6	0.24	4	0.22	11	0.48	23	0.98		
		Tổng số trả lời	102	-	108	-	69	-	81	-	360	-		
2-6	Anh, chị sử dụng đất rừng được giao trong vùng dự án AP-CDM như thế nào? (Được phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Không sử dụng làm gì cả	38	37.3%	74	68.5%	25	36.2%	23	28.4%	160	44.4%		
		2 Để trồng cây (do các dự án, chương trình như: 326 /661 hỗ trợ)	22	21.6%	16	14.8%	4	5.8%	4	4.9%	46	12.8%		
		3 Để sản xuất mùa vụ (đốt nương làm rẫy)	5	4.9%	3	2.8%	14	20.3%	21	25.9%	43	11.9%		
		4 Để sản xuất mùa vụ (sử dụng như đất canh tác lâu năm)	15	14.7%	6	5.6%	8	11.6%	13	16.0%	42	11.7%		
		5 Để trồng cây (Do giá trị tự đầu tư)	14	13.7%	7	6.5%	9	13.0%	10	12.3%	40	11.1%		
		6 Để chăn thả gia súc	7	6.9%	0	0.0%	5	7.2%	3	3.7%	15	4.2%		
		7 Để lấy củi đun	1	1.0%	2	1.9%	3	4.3%	3	3.7%	9	2.5%		
		8 Mục đích khác (Trồng rừng theo dự án PAM...)	0	0.0%	0	0.0%	1	1.4%	4	4.9%	5	1.4%		
Tổng số trả lời	102	-	108	-	69	-	81	-	360	-				

Số	Câu hỏi	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc)		Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực hồ)		Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)		Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía Tây)		Tổng	
			(điểm)	(thứ hạng)	(điểm)	(thứ hạng)	(điểm)	(thứ hạng)	(điểm)	(thứ hạng)	(điểm)	(thứ hạng)
2-7	Tại sao gia đình không trồng rừng trên diện tích đất rừng đã được giao? (Được phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Thiếu vốn	584	1	791	1	364	1	448	1	2187	1
		2 Hỗ trợ tiền và vật liệu từ các chương trình của chính phủ không đủ.	481	2	616	2	229	3	354	2	1680	2
		3 Đất không đủ tốt để trồng trọt.	397	3	548	3	189	5	324	3	1458	3
		4 Rừng không mang lại lợi nhuận nhanh chóng	366	5	513	5	219	4	308	5	1406	5
		5 Không biết làm thế nào để quản lý rừng	361	6	516	4	243	2	317	4	1437	4
		6 Thiếu nhân lực	394	4	502	6	163	6	283	6	1342	6
		7 Ranh giới không rõ ràng	0	7	42	7	0	0	0	0	42	7
		8 Đường vào khó khăn	4	7	6	10	0	0	29	7	39	8
		9 Không chọn được loại cây phù hợp	0	-	30	8	0	0	0	0	30	10
		10 Lý do khác (Không thể bảo vệ được rừng.....)	0	-	7	9	0	0	24	7	31	9
Số người để lựa chọn tiêu chí như là li do số 1		(người)	(%)	(người)	(%)	(người)	(%)	(người)	(%)	(người)	(%)	(%)
		71	94.7%	94	88.7%	36	67.9%	48	71.6%	249	82.7%	
		3	4.0%	1	0.9%	4	7.5%	2	3.0%	10	3.3%	
		0	0.0%	1	0.9%	0	0.0%	6	9.0%	7	2.3%	
		0	0.0%	1	0.9%	5	9.4%	3	4.5%	9	3.0%	
		1	1.3%	5	4.7%	4	7.5%	2	3.0%	12	4.0%	
		0	0.0%	2	1.9%	2	3.8%	5	7.5%	9	3.0%	
		0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	
		0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	1	0.3%	
		0	0.0%	2	1.9%	0	0.0%	0	0.0%	2	0.7%	
0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	2	3.8%	0	0.0%			
2-8	Gia đình muốn sử dụng đất rừng được giao theo cách nào? (Được phép chọn nhiều câu trả lời)	Tổng số trả lời	75	-	106	-	53	-	67	-	301	-
		(người)	(%)	(người)	(%)	(người)	(%)	(người)	(%)	(người)	(%)	(%)
		75	72.8%	99	78.6%	48	80.0%	60	80.0%	282	77.5%	
		1	1.0%	3	2.4%	2	3.3%	0	0.0%	6	1.6%	
		16	15.5%	11	8.7%	2	3.3%	4	5.3%	33	9.1%	
		11	10.7%	5	4.0%	4	6.7%	11	14.7%	31	8.5%	
		0	0.0%	1	0.8%	0	0.0%	0	0.0%	1	0.3%	
		0	0.0%	7	5.6%	3	5.0%	0	0.0%	10	2.7%	
		0	0.0%	0	0.0%	1	1.7%	0	0.0%	1	0.3%	
		103	-	126	-	60	-	75	-	364	-	

Số	Câu hỏi	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc)		Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực hồ)		Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)		Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía Tây)		Tổng		
			(Bình quân sốgia súc/Hộ)	(Tổng số gia súc)	(Bình quân sốgia súc/Hộ)	(Tổng số gia súc)	(Bình quân sốgia súc/Hộ)	(Tổng số gia súc)	(Bình quân sốgia súc/Hộ)	(Tổng số gia súc)	(Bình quân sốgia súc/Hộ)	(Tổng số gia súc)	
3-1	Gia đình nuôi bao nhiêu gia súc gia cầm? Đã lớn (> 1 năm tuổi) Chòn bé (< 1 năm tuổi)	1. Trâu	1,05	79	1,82	184	2,02	97	1,55	96	1,59	456	
3-2	Mỗi con trâu, bò của gia đình trung bình nặng bao nhiêu ? Đã lớn (> 1 năm tuổi) Nhỏ (< 1 năm tuổi)	1. Trâu	251,8	76	256,3	69,7%	330	93,2%	216,1	33	480	83,6%	
3-3	Gia đình nuôi gia súc gia cầm để làm gì ?	1. Trâu	41	66,1%	76	69,7%	330	93,2%	216,1	33	480	83,6%	



Số	Mục	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc) (1,000VND/năm)	Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực hồ)	Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)	Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía tây)	Tổng
4-1	Năm ngoài gia đình có thu nhập từ những hoạt động nào? (theo nguồn thu nhập)	Bán nông sản	6,017	7,221	12,828	12,078	8,879
		1 Lúa nước	2,141	2,840	1,811	2,315	2,373
		2 Ngô	426	618	1,683	1,269	884
		3 Sắn	581	344	303	601	455
		4 Mía (để ăn)	1,108	618	6,823	6,785	3,103
		5 Mía (để sản xuất đường)	1,553	2,735	2,144	1,005	1,953
6 Nông sản khác (Vải, Nhai, Dưa hấu, chè lá...)	207	67	64	102	110		
4-2	Thu nhập hàng năm của gia đình có ổn định không?	Bán gia súc gia cầm	4,836	6,287	4,782	3,329	4,965
		1 Trâu	755	1,955	777	1,511	1,350
		2 Bò	1,033	562	330	0	526
		3 Lợn	2,127	3,142	3,517	1,488	2,576
		4 Dê	393	181	4	0	169
		5 Gà cầm	327	447	154	249	324
		6 Loại khác (cá, ngan, chó...)	0	0	0	83	18
		Các hoạt động Lâm nghiệp (nghề rừng)	543	712	591	683	641
		1 Trồng công từ các công việc thuê, khoán	444	655	570	606	575
		2 Bán lâm sản (gỗ, củi, lâm sản ngoài gỗ...)	99	57	21	77	66
		Các nguồn khác	3,720	3,504	11,070	2,888	4,671
		1 Lương từ các công ty, cơ quan công... doanh tư nhân	456	718	4,285	917	1,279
		2 Thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh... doanh tư nhân	171	805	1,349	673	689
		3 Tiền công lao động từ mọi hoạt động sản xuất... khác (từ hoạt động Lâm nghiệp)	1,760	231	2,002	476	976
4 Khác (làm cho cơ quan chính phủ, trung tâm... y tế...)	1,333	1,750	3,434	823	1,717		
4-3	Năm ngoài mức chi tiêu của gia đình như thế nào?	Tổng (1000VND/năm)	14,915	17,724	29,271	18,978	19,157
		Tổng (1000VND/Tháng)	1,243	1,477	2,439	1,582	1,596
		Tổng (US\$/năm) (@1US\$=16,000VND)	932	1,108	1,829	1,186	1,197
		Tổng (US\$/tháng) (@1US\$=16,000VND)	78	92	152	93	100
4-3	Năm ngoài mức chi tiêu của gia đình như thế nào?	1 Thu nhập tăng và ổn định	18	26	21	16	81
		2 Khác ổn định nhưng giảm	12	16	5	11	47
		3 Giảm	0	3	0	0	6
		4 Không ổn định	44	50	19	29	142
		Tổng số trả lời	74	95	45	62	278
		Chi tiêu cho sản xuất					
		1 Sản xuất nông nghiệp (giống, phân bón...)	1,349	1,372	4,938	3,555	2,429
		2 Chi phí mua gia súc gia cầm (con giống, thức ăn, chi phí thú y...)	1,480	1,891	2,747	1,025	1,690
		3 Trồng, phát triển rừng	1,223	550	400	56	513
		Chi tiêu cho sinh hoạt					
		1 Thức ăn	4,752	5,976	6,483	5,958	5,744
		2 Y tế, chăm sóc sức khỏe	678	785	1,484	969	904
		3 Giáo dục	1,159	1,539	3,193	1,248	1,802
		4 Thông tin liên lạc/ đi lại	596	859	1,324	774	854
5 Các sự kiện đặc biệt (hầu, lễ, lễ hội...)	1,077	962	2,545	1,347	1,328		
6 Những chi phí sinh hoạt khác (điện, chất đốt, thuê...)	537	856	1,357	776	833		
Tổng (1000VND/năm)	10,978	12,841	21,700	15,668	14,491		
Tổng (1000VND/Tháng)	915	1,070	1,808	1,306	1,207		
Tổng (US\$/năm) (@1US\$=16,000VND)	686	803	1,386	979	905		
Tổng (US\$/tháng) (@1US\$=16,000VND)	57	67	113	82	75		

Số	Mục	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc)	Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực NĐ)	Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)	Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía Tây)	Tổng
4-4	Gia đình dùng loại chất đốt nào là chính? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Củi	(Hộ) 75 (Hộ) 96,2%	(Hộ) 95 (Hộ) 94,1%	(Hộ) 43 (Hộ) 65,2%	(Hộ) 62 (Hộ) 96,9%	(Hộ) 275 (Hộ) 89,0%
		2 Than	0 0,0%	3 3,0%	10 15,2%	1 1,6%	14 4,5%
		3 Biogas	0 0,0%	2 2,0%	5 7,6%	1 1,6%	8 2,6%
		4 Khác (Điền ...)	3 3,8%	1 1,0%	8 12,1%	0 0,0%	12 3,9%
		Tổng số trả lời	78	101	66	64	309
4-5	Gia đình sử dụng loại bếp nấu nào (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Bếp kiêng 3 chân	(Hộ) 75 (Hộ) 100,0%	(Hộ) 95 (Hộ) 97,9%	(Hộ) 42 (Hộ) 63,6%	(Hộ) 62 (Hộ) 98,4%	(Hộ) 274 (Hộ) 91,0%
		2 Bếp lò cải tiến	0 0,0%	1 1,0%	8 12,1%	0 0,0%	9 3,0%
		3 Gas	0 0,0%	0 0,0%	5 7,6%	0 0,0%	5 1,6%
		4 Điện	0 0,0%	0 0,0%	8 12,1%	1 1,6%	9 3,0%
		5 Loại khác	0 0,0%	0 0,0%	3 4,5%	0 0,0%	3 1,0%
Tổng số trả lời	75	97	66	63	301		
4-6	Một tháng gia đình dùng hết bao nhiêu bó củi?	Trong lượng trung bình một bó	(kg/bó) 14,1 (bó/tháng) 20,0	(kg/bó) 14,9 (bó/tháng) 20,0	(kg/bó) 20,0 (bó/tháng) 20,0	(kg/bó) 16,4 (bó/tháng) 15,1	(kg/bó) 15,1 (bó/tháng) 15,1
		1 Mùa đông (tháng 12 đến tháng 2)	(kg/tháng) 29,7 (bó/tháng) 544,3	(kg/tháng) 36,5 (bó/tháng) 544,3	(kg/tháng) 29,7 (bó/tháng) 544,3	(kg/tháng) 43,1 (bó/tháng) 529,5	(kg/tháng) 35,1 (bó/tháng) 529,5
		2 Các tháng khác (Tháng 3 đến tháng 11)	(kg/tháng) 20,8 (bó/tháng) 292,0	(kg/tháng) 26,6 (bó/tháng) 396,7	(kg/tháng) 22,3 (bó/tháng) 320,0	(kg/tháng) 32,0 (bó/tháng) 454,9	(kg/tháng) 25,6 (bó/tháng) 385,9
		Tiêu thụ củi hàng năm trên một hộ gia đình	(%) 276 (bó/năm) 3,882	(%) 349 (bó/năm) 5,203	(%) 289 (bó/năm) 5,789	(%) 417 (bó/năm) 6,845	(%) 335 (bó/năm) 5,061
		1 Các thành viên trong gia đình đi kiếm củi	(%) 98,1%	(%) 95,5%	(%) 95,2%	(%) 90,7%	(%) 95,8%
2 Mua của người khác	(%) 0,9%	(%) 4,5%	(%) 4,8%	(%) 9,3%	(%) 4,4%		
Tổng	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%		
4-8	Trong gia đình Anh/ chị ai là người đi lấy củi chính? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Người lớn (nam giới)	(Hộ) 17 (Hộ) 18,5%	(Hộ) 50 (Hộ) 31,1%	(Hộ) 24 (Hộ) 36,9%	(Hộ) 31 (Hộ) 28,4%	(Hộ) 122 (Hộ) 28,6%
		2 Người lớn (nữ giới)	63 68,5%	82 50,9%	25 38,5%	55 50,5%	225 52,7%
		3 Trẻ em (con trai)	8 8,7%	15 9,3%	9 13,8%	13 11,9%	45 10,5%
		4 Trẻ em (con gái)	4 4,3%	14 8,7%	7 10,8%	10 9,2%	35 8,2%
		Tổng số trả lời	92	161	65	109	427
4-9	Gia đình Anh/Chị có thường xuyên đi lấy củi trên đồi, trong rừng không?	0 Không	(Hộ) 0 (Hộ) 0,0%	(Hộ) 0 (Hộ) 0,0%	(Hộ) 2 (Hộ) 4,9%	(Hộ) 0 (Hộ) 0,0%	(Hộ) 2 (Hộ) 0,7%
		1 1 lần/tuần	17 22,7%	12 12,9%	13 31,7%	7 11,9%	49 18,3%
		2 2 lần/tuần	42 56,0%	42 45,2%	14 34,1%	20 33,9%	118 44,0%
		3 3 lần/tuần	14 18,7%	34 38,6%	5 12,2%	22 37,3%	75 28,0%
		4 Hơn 4 lần một tuần	2 2,7%	5 5,4%	7 17,1%	10 16,9%	24 9,0%
Tổng số trả lời	75	93	41	59	268		
4-10	Gia đình thường đi lấy củi ở đâu? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	0 Không lấy củi	(Hộ) 0 (Hộ) 0,0%	(Hộ) 0 (Hộ) 0,0%	(Hộ) 0 (Hộ) 0,0%	(Hộ) 2 (Hộ) 2,4%	(Hộ) 2 (Hộ) 0,5%
		1 Ở vùng rừng dự án AR-CDM	21 28,0%	26 28,0%	26 63,6%	39 64,5%	112 44,0%
		2 Lấy ở khu vực mà thôn bản qui định	29 38,7%	41 44,0%	7 17,1%	7 11,9%	84 31,3%
		3 Bất cứ nơi nào có củi trong phạm vi xã	34 45,3%	44 47,3%	11 27,3%	30 50,8%	119 44,8%
		4 Bất cứ nơi nào có củi cả ngoài phạm vi xã	42 56,0%	25 27,0%	9 21,9%	6 10,2%	82 30,6%
Tổng số trả lời	126	136	53	84	399		
4-11	Gia đình có thấy hiện nay đi lấy củi khó khăn hơn so với trước đây không?	1 Có	(Hộ) 69 (Hộ) 92,0%	(Hộ) 86 (Hộ) 90,5%	(Hộ) 42 (Hộ) 95,5%	(Hộ) 58 (Hộ) 96,7%	(Hộ) 255 (Hộ) 93,1%
		2 Không	3 4,0%	1 1,1%	1 2,3%	0 0,0%	5 1,8%
		3 Bình thường (Như trước đây)	3 4,0%	8 8,4%	1 2,3%	2 3,3%	14 5,1%
		Tổng số trả lời	75	95	44	60	274

Số	Câu hỏi	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc)			Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực hồ)			Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)			Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía tây)			Tổng	
			(điểm)	(Thứ tự)	(%)	(điểm)	(Thứ tự)	(%)	(điểm)	(Thứ tự)	(%)	(điểm)	(Thứ tự)	(%)	(điểm)	(Thứ tự)
5-1	Gia đình gặp phải khó khăn chính gì trong sản xuất mùa vụ?	1 Không đủ đất để canh tác	358	4		589	3		175	8		236	7		1,338	4
		2 Điều kiện đất xấu	410	2	7.4%	585	2	22.0%	261	2	12.3%	336	2	2.7%	1,592	2
		3 Thiếu vốn để mua giống, phân....	456	1	6.2%	660	1	18.7%	288	1	21.1%	422	1	14.9%	1,826	1
		4 Thị trường bán nông sản không ổn định	286	7	49.4%	447	6	31.7%	201	6	33.3%	287	5	36.5%	1,223	7
		5 Sản xuất không ổn định	329	6	0.0%	422	7	3.3%	185	7	1.8%	275	6	1.4%	1,211	8
		6 Thiếu nhân lực	288	7	2.5%	420	8	4.1%	224	4	1.8%	302	4	4.1%	1,234	6
		7 Điều kiện thời tiết không ổn định	348	5	3.7%	453	5	1.6%	214	5	14.0%	307	3	6.8%	1,322	5
		8 Sâu bệnh, dịch bệnh, phá hại	365	3	13.6%	479	4	8.1%	228	3	3.5%	381	2	10.8%	1,453	3
		9 Thiếu nước	0	0	17.3%	56	9	4.9%	23	9	8.8%	106	8	14.9%	185	9
		10 Khó khăn trong việc tiếp cận với thị trường	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	6	10	0.0%	6	11
		11 Chất lượng giống	0	0	0.0%	0	0	0.0%	0	0	0.0%	22	9	1.4%	22	10
5-2	Số người đã lựa chọn tiêu chí như là lí do số 1	1 Không đủ đất để canh tác	6	7.4%	27	22.0%	7	12.3%	2	2.7%	2	2.7%	42	12.5%		
		2 Điều kiện đất xấu	5	6.2%	23	18.7%	12	21.1%	11	14.9%	51	15.2%				
		3 Thiếu vốn để mua giống, phân....	40	49.4%	39	31.7%	19	33.3%	27	36.5%	125	37.3%				
		4 Thị trường bán nông sản không ổn định	0	0.0%	4	3.3%	1	1.8%	1	1.4%	6	1.8%				
		5 Sản xuất không ổn định	2	2.5%	5	4.1%	3	4.1%	3	4.1%	11	3.3%				
		6 Thiếu nhân lực	3	3.7%	2	1.6%	8	14.0%	5	6.8%	18	5.4%				
		7 Điều kiện thời tiết không ổn định	11	13.6%	10	8.1%	2	3.5%	8	10.8%	31	9.3%				
		8 Sâu bệnh, dịch bệnh, phá hại	14	17.3%	6	4.9%	5	8.8%	11	14.9%	36	10.7%				
		9 Thiếu nước	0	0.0%	7	5.7%	2	3.5%	5	6.8%	14	4.2%				
		10 Khó khăn trong việc tiếp cận với thị trường	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%				
		11 Chất lượng giống	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	1	0.3%				
Tổng số trả lời	81		123		57		74		395							
5-2	Số người đã lựa chọn tiêu chí như là lí do số 1	1 Thiếu thức ăn	388	1		525	1		200	2		315	1		1,428	1
		2 Thiếu bãi chăn thả	240	5	65.4%	371	4	52.1%	163	4	32.1%	199	5	40.0%	1,611	49.1%
		3 Thiếu kỹ thuật chăn nuôi	293	2	3.8%	410	2	8.4%	201	1	14.3%	274	3	5.3%	25	7.6%
		4 Giá bán sản phẩm không ổn định	251	4	19.2%	356	5	16.0%	174	3	19.6%	225	4	18.7%	59	18.0%
		5 Thiếu nhân lực	212	6	5.1%	283	6	3.4%	125	6	12.5%	206	5	6.7%	20	6.1%
		6 Dịch bệnh	256	3	2.6%	382	3	1.7%	157	5	7.1%	279	2	1.3%	9	2.7%
		7 Thiếu vốn	0	0	3.8%	6	7	17.6%	0	0	14.3%	19	25.3%	15.5%	51	15.5%
		8 Lý do khác (giao thông khó khăn....)	0	0.0%	1	0.8%	0	0.0%	0	0.0%	1	1.3%	1	1.3%	2	0.6%
Tổng số trả lời	78		119		56		75		328							



Số	Câu hỏi	Loại		Loại cây	Trả lời		Lý do (Trả lời)							
		Loại	Loại cây		(a)	(b)	(c)	(d)	(e)					
6-1	Gia đình muốn trồng loại cây nào trên diện tích đất rừng được giao ? Tại sao?  (a) Có kiến thức và kinh nghiệm trồng loại cây đó (b) Thấy người khác trồng loại cây đó và có kết quả tốt (c) Có thể có thu nhập trong tương lai (d) Để bảo vệ môi trường (e) Lý do khác	1	Cây mọc nhanh.	Acacia mangium (Keo tai tượng)	229	55.7%	61	151	106	48	51			
				Acacia hybrid (Keo lai)	15	3.6%	5	22	13	7	5			
				Eucalyptus sp. (Bạch đàn)	31	7.5%	1	5	12	5	0			
				Loại khác	2	0.5%	0	1	1	0	0			
				2	Cây bản địa	Lát (Chukrasia sp.)	5	1.2%	1	1	1	2	3	1
						Tràm (Canarium sp.)	4	1.0%	0	1	0	2	1	
						xoan (Melia azedarach L.)	3	0.7%	2	0	2	1	0	
						Khác (Sấu, Lim,...)	4	1.0%	0	0	1	3	0	
						Xoài	22	5.4%	3	2	6	0	0	
						Nhãn	13	3.2%	1	0	3	0	1	
				3	Cây ăn quả	Vải	10	2.4%	1	0	2	0	1	
						Sấu	4	1.0%	0	0	1	2	1	
						Loại khác (Cam, quýt, mận, mơ...)	8	1.9%	0	0	3	0	0	
							22	5.4%	2	3	13	3	1	
							6	1.5%	0	2	4	0	0	
4	Cây làm thực phẩm chăn nuôi		33	8.0%	1	1	14	11	6					
			411	100%			42.4%	33.3%	18.2%					
5	Trẻ													
6	Loại cây khác (Cây lâu năm, Tre lấy măng)													
Tổng														

Số	Câu hỏi	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc)		Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực hồ)		Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)		Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía tây)		Tổng	
			(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(%)
6-2	Dự án thí điểm Trồng rừng-Tái trồng rừng theo cơ chế sách (AR-CDM) đòi hỏi "Quản lý và bảo vệ rừng tập thể" theo những qui định cụ thể. Gia đình có sẵn sàng tham gia dự án không?	1 Có, sẵn sàng	57	76.0%	89	88.1%	43	91.5%	57	93.4%	246	86.6%
		2 Có nhưng tùy thuộc vào mức hỗ trợ trồng rừng của dự án và những qui định gì?	18	24.0%	12	11.9%	4	8.5%	4	6.6%	38	13.4%
		3 Không thể quyết định ngay bây giờ	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
		4 Không tham gia	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
	Tổng số trả lời	75	-	101	-	47	-	61	-	284	-	
6-3	Gia đình sẽ sẵn sàng tham gia dự án ngay cả trong trường hợp Dự án yêu cầu gia đình quản lý việc chăn thả gia súc trong vùng dự án?	1 Yes	75	100.0%	102	100.0%	48	100.0%	57	100.0%	282	100.0%
		2 No.	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
	Total No. of answer	75	-	102	-	48	-	57	-	282	-	
6-4	Gia đình sẽ làm thế nào nếu việc chăn thả gia súc trong vùng dự án bị hạn chế? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Sẽ chăn thả ở khu vực khác (ngoài vùng dự án)	64	82.1%	79	71.2%	39	68.4%	40	69.0%	222	73.0%
		2 Sẽ giảm số gia súc hoặc không nuôi nữa	6	7.7%	14	12.6%	9	15.8%	7	12.1%	36	11.8%
		3 Sẽ quản lý việc chăn thả	3	3.8%	13	11.7%	4	7.0%	7	12.1%	27	8.9%
		4 Bảo vệ cây	5	6.4%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	5	1.6%
		5 Trồng cỏ cao sản	0	0.0%	0	0.0%	3	5.3%	2	3.4%	5	1.6%
		6 Nuôi nhốt trong chuồng	0	0.0%	5	4.5%	2	3.5%	2	3.4%	9	3.0%
		7 Biện pháp khác	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
	Tổng số trả lời	78	-	111	-	57	-	58	-	304	-	
6-5	Gia đình sẽ làm thế nào nếu việc lấy củi trong vùng dự án AR-CDM bị hạn chế? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Sẽ lấy ở khu vực khác (ngoài vùng dự án)	70	88.6%	78	75.7%	26	53.1%	40	62.5%	214	72.5%
		2 Sử dụng loại chất đốt khác	9	11.4%	25	24.3%	19	38.8%	22	34.4%	75	25.4%
		3 Mua củi của người khác	0	0.0%	0	0.0%	2	4.1%	1	1.6%	3	1.0%
		4 Khác (không dùng củi nữa, sẽ vận lấy củi ở vùng dự án....)	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	2	4.1%	3	1.0%
	Tổng số trả lời	79	-	103	-	49	-	64	-	295	-	
6-6	Gia đình muốn biết thêm thông tin gì về Dự án? (Cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1 Hỗ trợ tài chính và vật tư trồng rừng từ phía Dự án	329	1	488	1	225	1	286	1	1,328	1
		2 Các qui định về quản lý và bảo vệ rừng	266	3	349	2	168	3	216	3	999	3
		3 Qui chế hưởng lợi	274	2	345	3	169	2	233	2	1,021	2
		4 Ước tính thu nhập từ rừng trong tương lai	210	4	282	4	114	4	166	4	772	4
		5 Khác (Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật)	6	-	3	-	7	-	2	-	18	-
	(persons)	55	63.2%	89	76.1%	38	79.2%	44	65.7%	226	70.8%	
Số người đã lựa chọn câu trả lời chi như là i do số 1		1 Hỗ trợ tài chính và vật tư trồng rừng từ phía Dự án	19	21.8%	8	6.8%	5	10.4%	10	14.9%	42	13.2%
		2 Các qui định về quản lý và bảo vệ rừng	9	10.3%	15	12.8%	4	8.3%	10	14.9%	38	11.9%
		3 Qui chế hưởng lợi	4	4.6%	5	4.3%	1	2.1%	3	4.5%	13	4.1%
		4 Ước tính thu nhập từ rừng trong tương lai	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%
		5 Khác (Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật)	87	-	117	-	48	-	67	-	319	-

Số	Câu hỏi	Lựa chọn	Hiện trường-1&2 Xuân Phong (Khu vực Bắc và Đông bắc)		Hiện trường-3 Xuân Phong (Khu vực hồ)		Hiện trường-4 Bắc Phong (Khu vực phía Đông)		Hiện trường-5 Bắc Phong (Khu vực phía tây)		Tổng	
			(điểm)	(thứ tự)	(điểm)	(thứ tự)	(điểm)	(thứ tự)	(điểm)	(thứ tự)	(điểm)	(thứ tự)
6-7	Gia đình có mong muốn gì đối với dự án? (cho phép chọn nhiều câu trả lời)	1	361	1	484	1	224	1	300	1	1,369	1
		2	295	2	393	2	174	2	229	2	1,091	2
		3	253	3	341	3	162	3	220	3	976	3
		4	179	4	258	4	124	4	167	4	728	4
		5	2	-	3	0	-	15	-	20	-	-
6-8	Số người đã lựa chọn tiêu chí như là II do số 1	1	65	71.4%	88	74.6%	38	71.7%	53	73.6%	244	73.1%
		2	12	13.2%	17	14.4%	7	13.2%	9	12.5%	45	13.5%
		3	9	9.9%	10	8.5%	4	7.5%	5	6.9%	28	8.4%
		4	5	5.5%	3	2.5%	4	7.5%	2	2.8%	14	4.2%
		5	0	0.0%	0	0.0%	0	0.0%	3	4.2%	3	0.9%
6-8	Gia đình có câu hỏi, đề xuất hay ý kiến gì không?	Tổng số trả lời	91	-	118	-	53	-	72	-	334	-
		1	8	30.8%	17	23.6%	9	20.5%	7	19.4%	41	23.0%
		2	3	11.5%	28	38.9%	6	13.6%	8	22.2%	45	25.3%
		3	4	15.4%	7	9.7%	11	25.0%	7	19.4%	29	16.3%
		4	1	3.8%	4	5.6%	11	25.0%	5	13.9%	21	11.8%
		5	2	7.7%	1	1.4%	2	4.5%	3	8.3%	8	4.5%
		6	0	0.0%	7	9.7%	0	0.0%	1	2.8%	8	4.5%
		7	0	0.0%	1	1.4%	1	2.3%	2	5.6%	4	2.2%
		8	0	0.0%	2	2.8%	1	2.3%	1	2.8%	4	2.2%
9	8	30.8%	5	6.9%	3	6.8%	2	5.6%	18	10.1%		
	Tổng số trả lời	26	-	72	-	44	-	36	-	178	-	



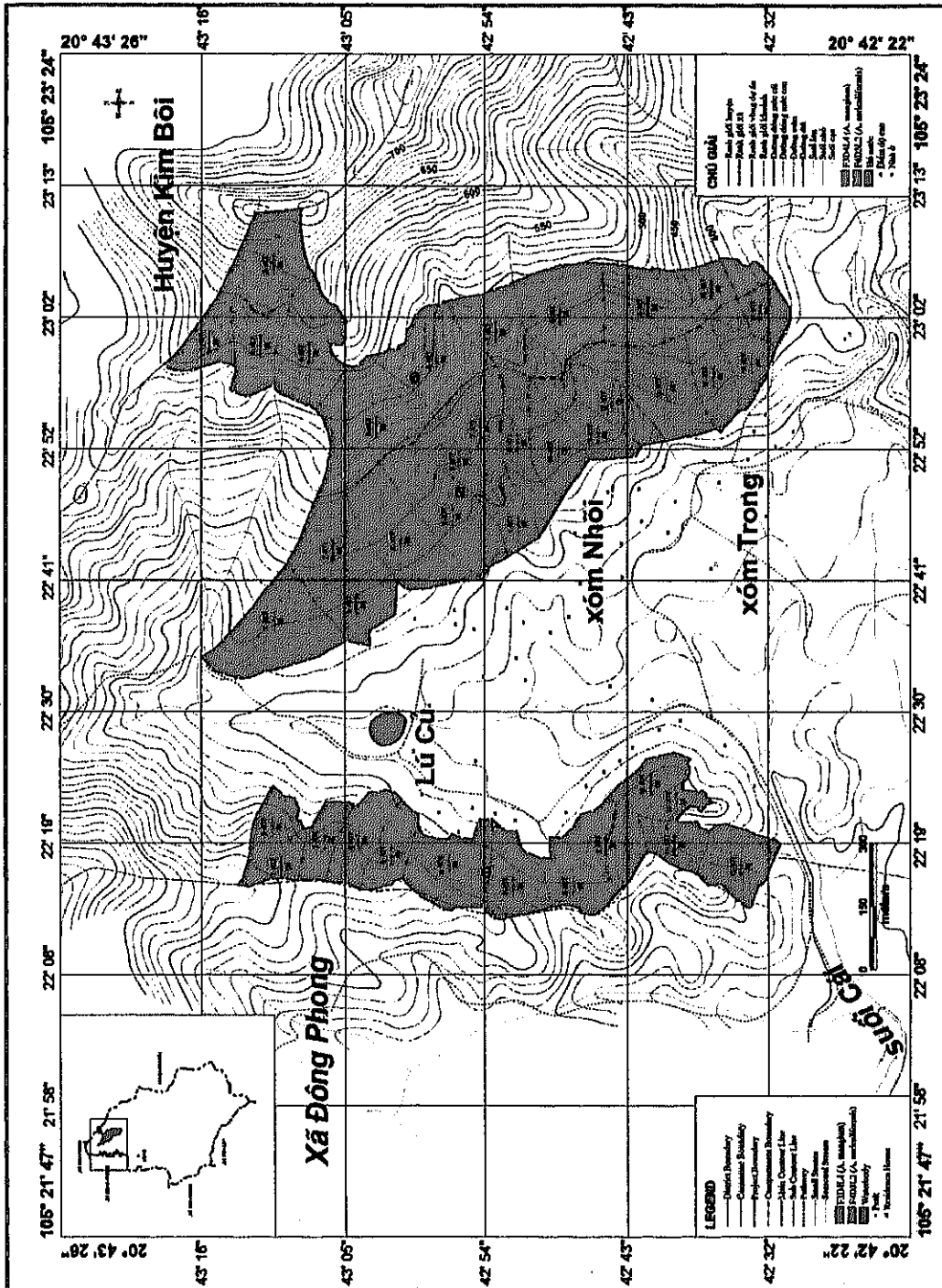
Phụ lục-9

*Bản đồ thiết kế trồng rừng dự án*



**BẢN ĐỒ THIẾT KẾ TRỒNG RỪNG DỰ ÁN AR-CDM (VÙNG 1&2)**  
**MAP OF PLANTING DESIGN FOR AR-CDM PROJECT (Sitas 1&2)**

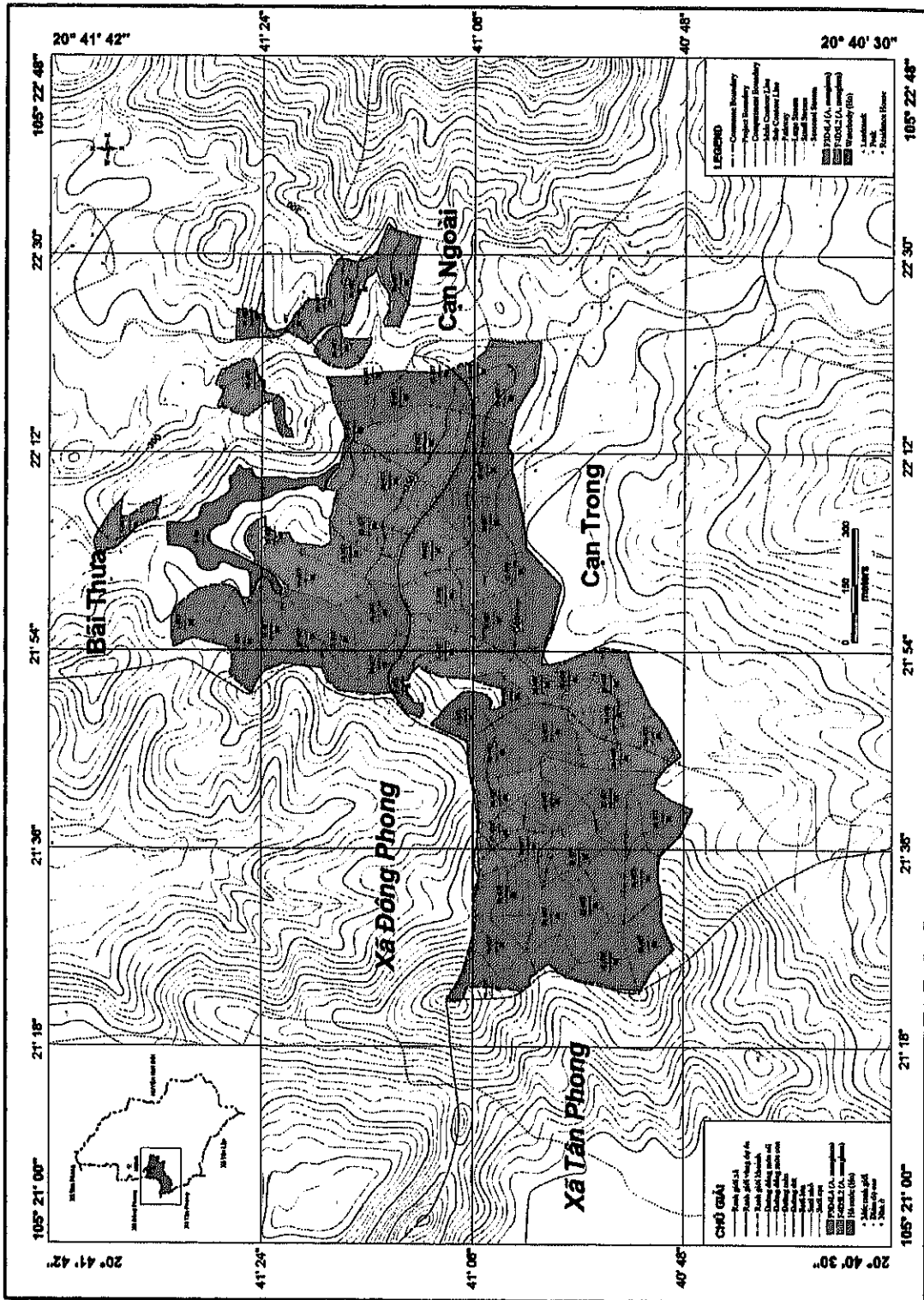
XÓM NHỎI - XUÂN PHONG - CAO PHONG - HÒA BÌNH  
 HOI VILLAGE - XUÂN PHONG - CAO PHONG - HOA BINH



Bản đồ thiết kế trồng rừng của Dự án: (Hiện trường 1&2: Khu vực Bắc và Đông bắc Xuân Phong)

**BẢN ĐỒ THIẾT KẾ TRỒNG RỪNG DỰ ÁN AR-CDM (VÙNG - 3)**  
 MAP OF PLANTING DESIGN FOR AR-CDM PROJECT (SINO - 3)

XÃM CẠN - XUÂN PHONG - CAO PHONG - HÒA BÌNH  
 CAN VILAGE - XUAN PHONG - CAO PHONG - HOA BINH



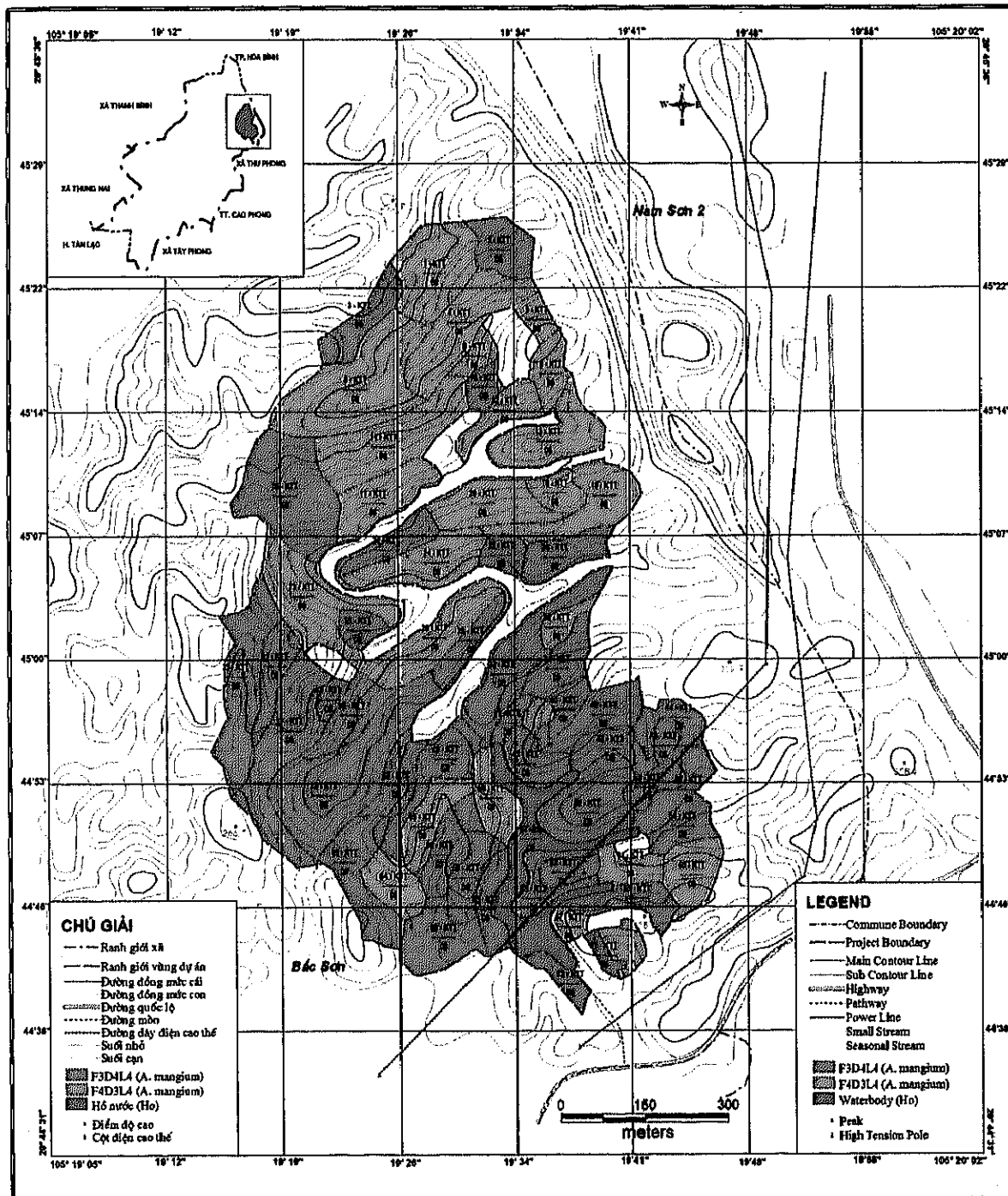
Bản đồ thiết kế trồng rừng của Dự án (Hiện trường 3: Khu vực hồ Xuân Phong)



# BẢN ĐỒ THIẾT KẾ TRỒNG RỪNG DỰ ÁN AR-CDM (VÙNG - 4)

MAP OF PLANTING DESIGN FOR AR-CDM PROJECT (Site - 4)

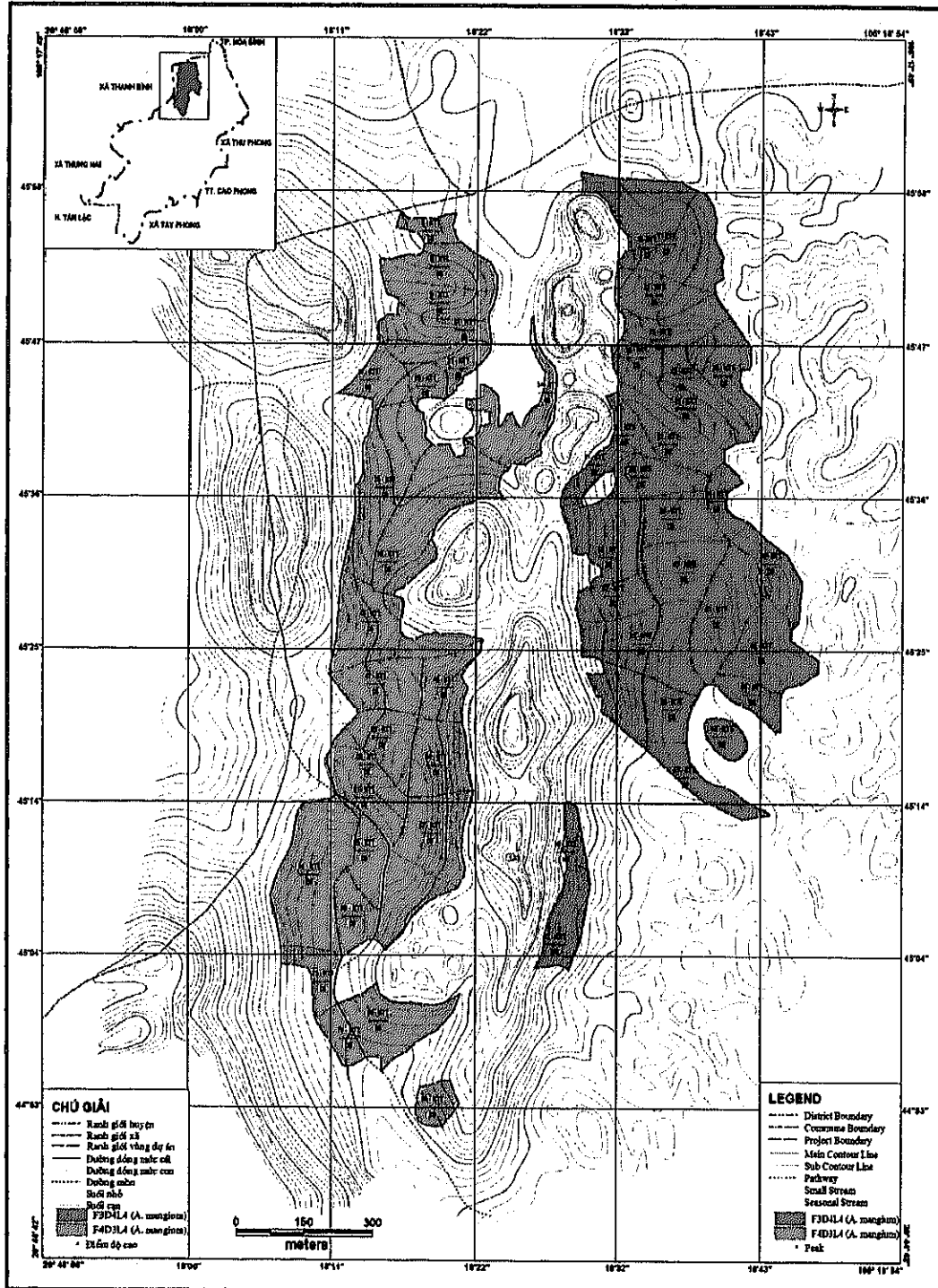
XÓM BẮC SƠN - BẮC PHONG - CAO PHONG - HÒA BÌNH  
 BAC SON VILLAGE - BAC PHONG - CAO PHONG - HOA BINH



Bản đồ thiết kế trồng rừng của Dự án: (Hiện trường 4: Khu vực phía đông Bắc Phong)

**BẢN ĐỒ THIẾT KẾ TRỒNG RỪNG DỰ ÁN AR-CDM (VÙNG - 5)**  
**MAP OF PLANTING DESIGN FOR AR-CDM PROJECT (Site - 5)**

XÓM MÃ - BẮC PHONG - CAO PHONG - HÒA BÌNH  
 MA VILLAGE - BAC PHONG - CAO PHONG - HOA BINH



Bản đồ thiết kế trồng rừng của Dự án: (Hiện trường 5: Khu vực phía tây Bắc Phong)